

PHỤ LỤC
(Ban hành kèm theo Công văn số /UBND-HCC ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

ID	Mã CQ	Tên Cơ Quan	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm
1	H19.110	UBND Phường Minh Hưng	Công khai, minh bạch	18	18
2	H19.110	UBND Phường Minh Hưng	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
3	H19.110	UBND Phường Minh Hưng	Tiến độ giải quyết	20	19,63
4	H19.110	UBND Phường Minh Hưng	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,63
5	H19.110	UBND Phường Minh Hưng	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
6	H19.110	UBND Phường Minh Hưng	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
7	H19.110	UBND Phường Minh Hưng	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
8	H19.110	UBND Phường Minh Hưng	Thanh toán trực tuyến	10	10
9	H19.110	UBND Phường Minh Hưng	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
10	H19.110	UBND Phường Minh Hưng	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
11	H19.110	UBND Phường Minh Hưng	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
12	H19.110	UBND Phường Minh Hưng	Mức độ hài lòng	18	18
13	H19.110	UBND Phường Minh Hưng	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
14	H19.110	UBND Phường Minh Hưng	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
15	H19.110	UBND Phường Minh Hưng	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
16	H19.110	UBND Phường Minh Hưng	Số hóa hồ sơ	22	20,63
17	H19.110	UBND Phường Minh Hưng	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,81
18	H19.110	UBND Phường Minh Hưng	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
19	H19.110	UBND Phường Minh Hưng	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
20	H19.110	UBND Phường Minh Hưng	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
21	H19.110	UBND Phường Minh Hưng	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,97
22	H19.110	UBND Phường Minh Hưng	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,85
23	H19.110	UBND Phường Minh Hưng	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
24	H19.111	UBND Phường Chơn Thành	Công khai, minh bạch	18	18
25	H19.111	UBND Phường Chơn Thành	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
26	H19.111	UBND Phường Chơn Thành	Tiến độ giải quyết	20	19,94
27	H19.111	UBND Phường Chơn Thành	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,94
28	H19.111	UBND Phường Chơn Thành	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
29	H19.111	UBND Phường Chơn Thành	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
30	H19.111	UBND Phường Chơn Thành	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
31	H19.111	UBND Phường Chơn Thành	Thanh toán trực tuyến	10	10
32	H19.111	UBND Phường Chơn Thành	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
33	H19.111	UBND Phường Chơn Thành	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
34	H19.111	UBND Phường Chơn Thành	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
35	H19.111	UBND Phường Chơn Thành	Mức độ hài lòng	18	18
36	H19.111	UBND Phường Chơn Thành	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
37	H19.111	UBND Phường Chơn Thành	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
38	H19.111	UBND Phường Chơn Thành	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
39	H19.111	UBND Phường Chơn Thành	Số hóa hồ sơ	22	20,48
40	H19.111	UBND Phường Chơn Thành	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,91
41	H19.111	UBND Phường Chơn Thành	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
42	H19.111	UBND Phường Chơn Thành	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
43	H19.111	UBND Phường Chơn Thành	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
44	H19.111	UBND Phường Chơn Thành	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,95
45	H19.111	UBND Phường Chơn Thành	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,62
46	H19.111	UBND Phường Chơn Thành	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
47	H19.112	UBND Xã Nha Bích	Công khai, minh bạch	18	18
48	H19.112	UBND Xã Nha Bích	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
49	H19.112	UBND Xã Nha Bích	Tiến độ giải quyết	20	19,65
50	H19.112	UBND Xã Nha Bích	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,65
51	H19.112	UBND Xã Nha Bích	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
52	H19.112	UBND Xã Nha Bích	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
53	H19.112	UBND Xã Nha Bích	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
54	H19.112	UBND Xã Nha Bích	Thanh toán trực tuyến	10	10
55	H19.112	UBND Xã Nha Bích	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
56	H19.112	UBND Xã Nha Bích	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
57	H19.112	UBND Xã Nha Bích	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
58	H19.112	UBND Xã Nha Bích	Mức độ hài lòng	18	18
59	H19.112	UBND Xã Nha Bích	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
60	H19.112	UBND Xã Nha Bích	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
61	H19.112	UBND Xã Nha Bích	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
62	H19.112	UBND Xã Nha Bích	Số hóa hồ sơ	22	21,69
63	H19.112	UBND Xã Nha Bích	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,98
64	H19.112	UBND Xã Nha Bích	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
65	H19.112	UBND Xã Nha Bích	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2

66	H19.112	UBND Xã Nha Bích	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
67	H19.112	UBND Xã Nha Bích	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,97
68	H19.112	UBND Xã Nha Bích	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,74
69	H19.112	UBND Xã Nha Bích	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
70	H19.113	UBND Xã Tân Quan	Công khai, minh bạch	18	18
71	H19.113	UBND Xã Tân Quan	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
72	H19.113	UBND Xã Tân Quan	Tiến độ giải quyết	20	19,89
73	H19.113	UBND Xã Tân Quan	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,89
74	H19.113	UBND Xã Tân Quan	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
75	H19.113	UBND Xã Tân Quan	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
76	H19.113	UBND Xã Tân Quan	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
77	H19.113	UBND Xã Tân Quan	Thanh toán trực tuyến	10	10
78	H19.113	UBND Xã Tân Quan	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
79	H19.113	UBND Xã Tân Quan	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
80	H19.113	UBND Xã Tân Quan	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
81	H19.113	UBND Xã Tân Quan	Mức độ hài lòng	18	18
82	H19.113	UBND Xã Tân Quan	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
83	H19.113	UBND Xã Tân Quan	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
84	H19.113	UBND Xã Tân Quan	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
85	H19.113	UBND Xã Tân Quan	Số hóa hồ sơ	22	21,33
86	H19.113	UBND Xã Tân Quan	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,6
87	H19.113	UBND Xã Tân Quan	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
88	H19.113	UBND Xã Tân Quan	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
89	H19.113	UBND Xã Tân Quan	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
90	H19.113	UBND Xã Tân Quan	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,91
91	H19.113	UBND Xã Tân Quan	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,82
92	H19.113	UBND Xã Tân Quan	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
93	H19.114	UBND Xã Tân Hưng	Công khai, minh bạch	18	18
94	H19.114	UBND Xã Tân Hưng	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
95	H19.114	UBND Xã Tân Hưng	Tiến độ giải quyết	20	19,15
96	H19.114	UBND Xã Tân Hưng	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,15
97	H19.114	UBND Xã Tân Hưng	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
98	H19.114	UBND Xã Tân Hưng	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
99	H19.114	UBND Xã Tân Hưng	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
100	H19.114	UBND Xã Tân Hưng	Thanh toán trực tuyến	10	10
101	H19.114	UBND Xã Tân Hưng	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
102	H19.114	UBND Xã Tân Hưng	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
103	H19.114	UBND Xã Tân Hưng	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
104	H19.114	UBND Xã Tân Hưng	Mức độ hài lòng	18	18
105	H19.114	UBND Xã Tân Hưng	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
106	H19.114	UBND Xã Tân Hưng	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
107	H19.114	UBND Xã Tân Hưng	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
108	H19.114	UBND Xã Tân Hưng	Số hóa hồ sơ	22	19,96
109	H19.114	UBND Xã Tân Hưng	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,75
110	H19.114	UBND Xã Tân Hưng	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
111	H19.114	UBND Xã Tân Hưng	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
112	H19.114	UBND Xã Tân Hưng	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
113	H19.114	UBND Xã Tân Hưng	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,46
114	H19.114	UBND Xã Tân Hưng	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,75
115	H19.114	UBND Xã Tân Hưng	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
116	H19.115	UBND Xã Tân Khai	Công khai, minh bạch	18	18
117	H19.115	UBND Xã Tân Khai	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
118	H19.115	UBND Xã Tân Khai	Tiến độ giải quyết	20	19,79
119	H19.115	UBND Xã Tân Khai	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,79
120	H19.115	UBND Xã Tân Khai	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
121	H19.115	UBND Xã Tân Khai	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
122	H19.115	UBND Xã Tân Khai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
123	H19.115	UBND Xã Tân Khai	Thanh toán trực tuyến	10	10
124	H19.115	UBND Xã Tân Khai	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
125	H19.115	UBND Xã Tân Khai	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
126	H19.115	UBND Xã Tân Khai	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
127	H19.115	UBND Xã Tân Khai	Mức độ hài lòng	18	18
128	H19.115	UBND Xã Tân Khai	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
129	H19.115	UBND Xã Tân Khai	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
130	H19.115	UBND Xã Tân Khai	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
131	H19.115	UBND Xã Tân Khai	Số hóa hồ sơ	22	20,58
132	H19.115	UBND Xã Tân Khai	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,89
133	H19.115	UBND Xã Tân Khai	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
134	H19.115	UBND Xã Tân Khai	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
135	H19.115	UBND Xã Tân Khai	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
136	H19.115	UBND Xã Tân Khai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,98

137	H19.115	UBND Xã Tân Khai	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,71
138	H19.115	UBND Xã Tân Khai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
139	H19.116	UBND Xã Minh Đức	Công khai, minh bạch	18	18
140	H19.116	UBND Xã Minh Đức	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
141	H19.116	UBND Xã Minh Đức	Tiến độ giải quyết	20	19,76
142	H19.116	UBND Xã Minh Đức	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,76
143	H19.116	UBND Xã Minh Đức	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
144	H19.116	UBND Xã Minh Đức	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
145	H19.116	UBND Xã Minh Đức	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
146	H19.116	UBND Xã Minh Đức	Thanh toán trực tuyến	10	10
147	H19.116	UBND Xã Minh Đức	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
148	H19.116	UBND Xã Minh Đức	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
149	H19.116	UBND Xã Minh Đức	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
150	H19.116	UBND Xã Minh Đức	Mức độ hài lòng	18	18
151	H19.116	UBND Xã Minh Đức	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
152	H19.116	UBND Xã Minh Đức	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
153	H19.116	UBND Xã Minh Đức	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
154	H19.116	UBND Xã Minh Đức	Số hóa hồ sơ	22	21,11
155	H19.116	UBND Xã Minh Đức	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,49
156	H19.116	UBND Xã Minh Đức	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
157	H19.116	UBND Xã Minh Đức	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
158	H19.116	UBND Xã Minh Đức	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
159	H19.116	UBND Xã Minh Đức	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,98
160	H19.116	UBND Xã Minh Đức	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,64
161	H19.116	UBND Xã Minh Đức	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
162	H19.117	UBND Phường Bình Long	Công khai, minh bạch	18	18
163	H19.117	UBND Phường Bình Long	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
164	H19.117	UBND Phường Bình Long	Tiến độ giải quyết	20	19,88
165	H19.117	UBND Phường Bình Long	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,88
166	H19.117	UBND Phường Bình Long	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
167	H19.117	UBND Phường Bình Long	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
168	H19.117	UBND Phường Bình Long	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
169	H19.117	UBND Phường Bình Long	Thanh toán trực tuyến	10	10
170	H19.117	UBND Phường Bình Long	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
171	H19.117	UBND Phường Bình Long	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
172	H19.117	UBND Phường Bình Long	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
173	H19.117	UBND Phường Bình Long	Mức độ hài lòng	18	18
174	H19.117	UBND Phường Bình Long	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
175	H19.117	UBND Phường Bình Long	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
176	H19.117	UBND Phường Bình Long	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
177	H19.117	UBND Phường Bình Long	Số hóa hồ sơ	22	21,54
178	H19.117	UBND Phường Bình Long	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,93
179	H19.117	UBND Phường Bình Long	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
180	H19.117	UBND Phường Bình Long	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
181	H19.117	UBND Phường Bình Long	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
182	H19.117	UBND Phường Bình Long	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,98
183	H19.117	UBND Phường Bình Long	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,63
184	H19.117	UBND Phường Bình Long	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
185	H19.118	UBND Phường An Lộc	Công khai, minh bạch	18	18
186	H19.118	UBND Phường An Lộc	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
187	H19.118	UBND Phường An Lộc	Tiến độ giải quyết	20	19,64
188	H19.118	UBND Phường An Lộc	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,64
189	H19.118	UBND Phường An Lộc	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
190	H19.118	UBND Phường An Lộc	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
191	H19.118	UBND Phường An Lộc	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
192	H19.118	UBND Phường An Lộc	Thanh toán trực tuyến	10	10
193	H19.118	UBND Phường An Lộc	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
194	H19.118	UBND Phường An Lộc	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
195	H19.118	UBND Phường An Lộc	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
196	H19.118	UBND Phường An Lộc	Mức độ hài lòng	18	18
197	H19.118	UBND Phường An Lộc	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
198	H19.118	UBND Phường An Lộc	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
199	H19.118	UBND Phường An Lộc	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
200	H19.118	UBND Phường An Lộc	Số hóa hồ sơ	22	21,62
201	H19.118	UBND Phường An Lộc	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,98
202	H19.118	UBND Phường An Lộc	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
203	H19.118	UBND Phường An Lộc	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
204	H19.118	UBND Phường An Lộc	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
205	H19.118	UBND Phường An Lộc	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,98
206	H19.118	UBND Phường An Lộc	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,66
207	H19.118	UBND Phường An Lộc	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2

208	H19.119	UBND Xã Lộc Thành	Công khai, minh bạch	18	18
209	H19.119	UBND Xã Lộc Thành	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
210	H19.119	UBND Xã Lộc Thành	Tiến độ giải quyết	20	19,61
211	H19.119	UBND Xã Lộc Thành	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,61
212	H19.119	UBND Xã Lộc Thành	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
213	H19.119	UBND Xã Lộc Thành	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
214	H19.119	UBND Xã Lộc Thành	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
215	H19.119	UBND Xã Lộc Thành	Thanh toán trực tuyến	10	10
216	H19.119	UBND Xã Lộc Thành	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
217	H19.119	UBND Xã Lộc Thành	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
218	H19.119	UBND Xã Lộc Thành	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
219	H19.119	UBND Xã Lộc Thành	Mức độ hài lòng	18	18
220	H19.119	UBND Xã Lộc Thành	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
221	H19.119	UBND Xã Lộc Thành	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
222	H19.119	UBND Xã Lộc Thành	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
223	H19.119	UBND Xã Lộc Thành	Số hóa hồ sơ	22	21,29
224	H19.119	UBND Xã Lộc Thành	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,55
225	H19.119	UBND Xã Lộc Thành	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
226	H19.119	UBND Xã Lộc Thành	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
227	H19.119	UBND Xã Lộc Thành	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
228	H19.119	UBND Xã Lộc Thành	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,86
229	H19.119	UBND Xã Lộc Thành	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,88
230	H19.119	UBND Xã Lộc Thành	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
231	H19.12	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	Công khai, minh bạch	18	18
232	H19.12	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
233	H19.12	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	Tiến độ giải quyết	20	19,93
234	H19.12	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,93
235	H19.12	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
236	H19.12	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
237	H19.12	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
238	H19.12	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	Thanh toán trực tuyến	10	10
239	H19.12	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
240	H19.12	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
241	H19.12	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
242	H19.12	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	Mức độ hài lòng	18	18
243	H19.12	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
244	H19.12	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
245	H19.12	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
246	H19.12	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	Số hóa hồ sơ	22	18,4
247	H19.12	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,54
248	H19.12	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
249	H19.12	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
250	H19.12	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,98
251	H19.12	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,88
252	H19.12	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
253	H19.120	UBND Xã Lộc Ninh	Công khai, minh bạch	18	18
254	H19.120	UBND Xã Lộc Ninh	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
255	H19.120	UBND Xã Lộc Ninh	Tiến độ giải quyết	20	19,76
256	H19.120	UBND Xã Lộc Ninh	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,76
257	H19.120	UBND Xã Lộc Ninh	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
258	H19.120	UBND Xã Lộc Ninh	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
259	H19.120	UBND Xã Lộc Ninh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
260	H19.120	UBND Xã Lộc Ninh	Thanh toán trực tuyến	10	10
261	H19.120	UBND Xã Lộc Ninh	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
262	H19.120	UBND Xã Lộc Ninh	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
263	H19.120	UBND Xã Lộc Ninh	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
264	H19.120	UBND Xã Lộc Ninh	Mức độ hài lòng	18	18
265	H19.120	UBND Xã Lộc Ninh	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
266	H19.120	UBND Xã Lộc Ninh	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
267	H19.120	UBND Xã Lộc Ninh	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
268	H19.120	UBND Xã Lộc Ninh	Số hóa hồ sơ	22	21,63
269	H19.120	UBND Xã Lộc Ninh	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,76
270	H19.120	UBND Xã Lộc Ninh	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
271	H19.120	UBND Xã Lộc Ninh	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
272	H19.120	UBND Xã Lộc Ninh	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
273	H19.120	UBND Xã Lộc Ninh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,96
274	H19.120	UBND Xã Lộc Ninh	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,91
275	H19.120	UBND Xã Lộc Ninh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
276	H19.121	UBND Xã Lộc Hưng	Công khai, minh bạch	18	18
277	H19.121	UBND Xã Lộc Hưng	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
278	H19.121	UBND Xã Lộc Hưng	Tiến độ giải quyết	20	19,62

279	H19.121	UBND Xã Lộc Hưng	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,62
280	H19.121	UBND Xã Lộc Hưng	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
281	H19.121	UBND Xã Lộc Hưng	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
282	H19.121	UBND Xã Lộc Hưng	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
283	H19.121	UBND Xã Lộc Hưng	Thanh toán trực tuyến	10	8,43
284	H19.121	UBND Xã Lộc Hưng	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
285	H19.121	UBND Xã Lộc Hưng	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
286	H19.121	UBND Xã Lộc Hưng	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	4,43
287	H19.121	UBND Xã Lộc Hưng	Mức độ hài lòng	18	18
288	H19.121	UBND Xã Lộc Hưng	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
289	H19.121	UBND Xã Lộc Hưng	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
290	H19.121	UBND Xã Lộc Hưng	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
291	H19.121	UBND Xã Lộc Hưng	Số hóa hồ sơ	22	19,99
292	H19.121	UBND Xã Lộc Hưng	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	4,63
293	H19.121	UBND Xã Lộc Hưng	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	3,78
294	H19.121	UBND Xã Lộc Hưng	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
295	H19.121	UBND Xã Lộc Hưng	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
296	H19.121	UBND Xã Lộc Hưng	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	3,79
297	H19.121	UBND Xã Lộc Hưng	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,79
298	H19.121	UBND Xã Lộc Hưng	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
299	H19.122	UBND Xã Lộc Tấn	Công khai, minh bạch	18	18
300	H19.122	UBND Xã Lộc Tấn	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
301	H19.122	UBND Xã Lộc Tấn	Tiến độ giải quyết	20	19,45
302	H19.122	UBND Xã Lộc Tấn	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,45
303	H19.122	UBND Xã Lộc Tấn	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
304	H19.122	UBND Xã Lộc Tấn	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
305	H19.122	UBND Xã Lộc Tấn	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
306	H19.122	UBND Xã Lộc Tấn	Thanh toán trực tuyến	10	7,93
307	H19.122	UBND Xã Lộc Tấn	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
308	H19.122	UBND Xã Lộc Tấn	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
309	H19.122	UBND Xã Lộc Tấn	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	3,93
310	H19.122	UBND Xã Lộc Tấn	Mức độ hài lòng	18	18
311	H19.122	UBND Xã Lộc Tấn	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
312	H19.122	UBND Xã Lộc Tấn	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
313	H19.122	UBND Xã Lộc Tấn	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
314	H19.122	UBND Xã Lộc Tấn	Số hóa hồ sơ	22	20,73
315	H19.122	UBND Xã Lộc Tấn	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,14
316	H19.122	UBND Xã Lộc Tấn	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
317	H19.122	UBND Xã Lộc Tấn	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
318	H19.122	UBND Xã Lộc Tấn	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
319	H19.122	UBND Xã Lộc Tấn	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	3,94
320	H19.122	UBND Xã Lộc Tấn	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,65
321	H19.122	UBND Xã Lộc Tấn	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
322	H19.123	UBND Xã Lộc Thạnh	Công khai, minh bạch	18	18
323	H19.123	UBND Xã Lộc Thạnh	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
324	H19.123	UBND Xã Lộc Thạnh	Tiến độ giải quyết	20	19,7
325	H19.123	UBND Xã Lộc Thạnh	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,7
326	H19.123	UBND Xã Lộc Thạnh	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
327	H19.123	UBND Xã Lộc Thạnh	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
328	H19.123	UBND Xã Lộc Thạnh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
329	H19.123	UBND Xã Lộc Thạnh	Thanh toán trực tuyến	10	10
330	H19.123	UBND Xã Lộc Thạnh	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
331	H19.123	UBND Xã Lộc Thạnh	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
332	H19.123	UBND Xã Lộc Thạnh	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
333	H19.123	UBND Xã Lộc Thạnh	Mức độ hài lòng	18	18
334	H19.123	UBND Xã Lộc Thạnh	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
335	H19.123	UBND Xã Lộc Thạnh	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
336	H19.123	UBND Xã Lộc Thạnh	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
337	H19.123	UBND Xã Lộc Thạnh	Số hóa hồ sơ	22	21,44
338	H19.123	UBND Xã Lộc Thạnh	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,95
339	H19.123	UBND Xã Lộc Thạnh	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
340	H19.123	UBND Xã Lộc Thạnh	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
341	H19.123	UBND Xã Lộc Thạnh	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
342	H19.123	UBND Xã Lộc Thạnh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	3,99
343	H19.123	UBND Xã Lộc Thạnh	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,5
344	H19.123	UBND Xã Lộc Thạnh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
345	H19.124	UBND Xã Lộc Quang	Công khai, minh bạch	18	18
346	H19.124	UBND Xã Lộc Quang	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
347	H19.124	UBND Xã Lộc Quang	Tiến độ giải quyết	20	19,87
348	H19.124	UBND Xã Lộc Quang	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,87
349	H19.124	UBND Xã Lộc Quang	Dịch vụ công trực tuyến	12	10

350	H19.124	UBND Xã Lộc Quang	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
351	H19.124	UBND Xã Lộc Quang	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
352	H19.124	UBND Xã Lộc Quang	Thanh toán trực tuyến	10	10
353	H19.124	UBND Xã Lộc Quang	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
354	H19.124	UBND Xã Lộc Quang	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
355	H19.124	UBND Xã Lộc Quang	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
356	H19.124	UBND Xã Lộc Quang	Mức độ hài lòng	18	18
357	H19.124	UBND Xã Lộc Quang	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
358	H19.124	UBND Xã Lộc Quang	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
359	H19.124	UBND Xã Lộc Quang	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
360	H19.124	UBND Xã Lộc Quang	Số hóa hồ sơ	22	21,18
361	H19.124	UBND Xã Lộc Quang	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,38
362	H19.124	UBND Xã Lộc Quang	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
363	H19.124	UBND Xã Lộc Quang	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
364	H19.124	UBND Xã Lộc Quang	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
365	H19.124	UBND Xã Lộc Quang	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,95
366	H19.124	UBND Xã Lộc Quang	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,85
367	H19.124	UBND Xã Lộc Quang	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
368	H19.125	UBND Xã Tân Tiến	Công khai, minh bạch	18	18
369	H19.125	UBND Xã Tân Tiến	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
370	H19.125	UBND Xã Tân Tiến	Tiến độ giải quyết	20	19,82
371	H19.125	UBND Xã Tân Tiến	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,82
372	H19.125	UBND Xã Tân Tiến	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
373	H19.125	UBND Xã Tân Tiến	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
374	H19.125	UBND Xã Tân Tiến	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
375	H19.125	UBND Xã Tân Tiến	Thanh toán trực tuyến	10	10
376	H19.125	UBND Xã Tân Tiến	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
377	H19.125	UBND Xã Tân Tiến	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
378	H19.125	UBND Xã Tân Tiến	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
379	H19.125	UBND Xã Tân Tiến	Mức độ hài lòng	18	18
380	H19.125	UBND Xã Tân Tiến	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
381	H19.125	UBND Xã Tân Tiến	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
382	H19.125	UBND Xã Tân Tiến	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
383	H19.125	UBND Xã Tân Tiến	Số hóa hồ sơ	22	21,39
384	H19.125	UBND Xã Tân Tiến	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,63
385	H19.125	UBND Xã Tân Tiến	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
386	H19.125	UBND Xã Tân Tiến	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
387	H19.125	UBND Xã Tân Tiến	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
388	H19.125	UBND Xã Tân Tiến	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,97
389	H19.125	UBND Xã Tân Tiến	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,79
390	H19.125	UBND Xã Tân Tiến	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
391	H19.126	UBND Xã Thiện Hưng	Công khai, minh bạch	18	18
392	H19.126	UBND Xã Thiện Hưng	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
393	H19.126	UBND Xã Thiện Hưng	Tiến độ giải quyết	20	18,97
394	H19.126	UBND Xã Thiện Hưng	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	18,97
395	H19.126	UBND Xã Thiện Hưng	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
396	H19.126	UBND Xã Thiện Hưng	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
397	H19.126	UBND Xã Thiện Hưng	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
398	H19.126	UBND Xã Thiện Hưng	Thanh toán trực tuyến	10	10
399	H19.126	UBND Xã Thiện Hưng	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
400	H19.126	UBND Xã Thiện Hưng	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
401	H19.126	UBND Xã Thiện Hưng	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
402	H19.126	UBND Xã Thiện Hưng	Mức độ hài lòng	18	18
403	H19.126	UBND Xã Thiện Hưng	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
404	H19.126	UBND Xã Thiện Hưng	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
405	H19.126	UBND Xã Thiện Hưng	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
406	H19.126	UBND Xã Thiện Hưng	Số hóa hồ sơ	22	20,29
407	H19.126	UBND Xã Thiện Hưng	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,95
408	H19.126	UBND Xã Thiện Hưng	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
409	H19.126	UBND Xã Thiện Hưng	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
410	H19.126	UBND Xã Thiện Hưng	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
411	H19.126	UBND Xã Thiện Hưng	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,96
412	H19.126	UBND Xã Thiện Hưng	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,38
413	H19.126	UBND Xã Thiện Hưng	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
414	H19.127	UBND Xã Hưng Phước	Công khai, minh bạch	18	18
415	H19.127	UBND Xã Hưng Phước	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
416	H19.127	UBND Xã Hưng Phước	Tiến độ giải quyết	20	19,84
417	H19.127	UBND Xã Hưng Phước	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,84
418	H19.127	UBND Xã Hưng Phước	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
419	H19.127	UBND Xã Hưng Phước	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
420	H19.127	UBND Xã Hưng Phước	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6

421	H19.127	UBND Xã Hưng Phước	Thanh toán trực tuyến	10	10
422	H19.127	UBND Xã Hưng Phước	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
423	H19.127	UBND Xã Hưng Phước	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
424	H19.127	UBND Xã Hưng Phước	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
425	H19.127	UBND Xã Hưng Phước	Mức độ hài lòng	18	18
426	H19.127	UBND Xã Hưng Phước	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
427	H19.127	UBND Xã Hưng Phước	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
428	H19.127	UBND Xã Hưng Phước	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
429	H19.127	UBND Xã Hưng Phước	Số hóa hồ sơ	22	21,6
430	H19.127	UBND Xã Hưng Phước	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,94
431	H19.127	UBND Xã Hưng Phước	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
432	H19.127	UBND Xã Hưng Phước	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
433	H19.127	UBND Xã Hưng Phước	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
434	H19.127	UBND Xã Hưng Phước	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,95
435	H19.127	UBND Xã Hưng Phước	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,71
436	H19.127	UBND Xã Hưng Phước	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
437	H19.128	UBND Xã Bù Gia Mập	Công khai, minh bạch	18	18
438	H19.128	UBND Xã Bù Gia Mập	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
439	H19.128	UBND Xã Bù Gia Mập	Tiến độ giải quyết	20	18,06
440	H19.128	UBND Xã Bù Gia Mập	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	18,06
441	H19.128	UBND Xã Bù Gia Mập	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
442	H19.128	UBND Xã Bù Gia Mập	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
443	H19.128	UBND Xã Bù Gia Mập	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
444	H19.128	UBND Xã Bù Gia Mập	Thanh toán trực tuyến	10	10
445	H19.128	UBND Xã Bù Gia Mập	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
446	H19.128	UBND Xã Bù Gia Mập	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
447	H19.128	UBND Xã Bù Gia Mập	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
448	H19.128	UBND Xã Bù Gia Mập	Mức độ hài lòng	18	18
449	H19.128	UBND Xã Bù Gia Mập	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
450	H19.128	UBND Xã Bù Gia Mập	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
451	H19.128	UBND Xã Bù Gia Mập	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
452	H19.128	UBND Xã Bù Gia Mập	Số hóa hồ sơ	22	21,34
453	H19.128	UBND Xã Bù Gia Mập	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,94
454	H19.128	UBND Xã Bù Gia Mập	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
455	H19.128	UBND Xã Bù Gia Mập	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
456	H19.128	UBND Xã Bù Gia Mập	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
457	H19.128	UBND Xã Bù Gia Mập	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,88
458	H19.128	UBND Xã Bù Gia Mập	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,52
459	H19.128	UBND Xã Bù Gia Mập	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
460	H19.129	UBND Xã Đăk Ô	Công khai, minh bạch	18	18
461	H19.129	UBND Xã Đăk Ô	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
462	H19.129	UBND Xã Đăk Ô	Tiến độ giải quyết	20	19,86
463	H19.129	UBND Xã Đăk Ô	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,86
464	H19.129	UBND Xã Đăk Ô	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
465	H19.129	UBND Xã Đăk Ô	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
466	H19.129	UBND Xã Đăk Ô	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
467	H19.129	UBND Xã Đăk Ô	Thanh toán trực tuyến	10	10
468	H19.129	UBND Xã Đăk Ô	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
469	H19.129	UBND Xã Đăk Ô	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
470	H19.129	UBND Xã Đăk Ô	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
471	H19.129	UBND Xã Đăk Ô	Mức độ hài lòng	18	18
472	H19.129	UBND Xã Đăk Ô	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
473	H19.129	UBND Xã Đăk Ô	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
474	H19.129	UBND Xã Đăk Ô	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
475	H19.129	UBND Xã Đăk Ô	Số hóa hồ sơ	22	21,05
476	H19.129	UBND Xã Đăk Ô	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,91
477	H19.129	UBND Xã Đăk Ô	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
478	H19.129	UBND Xã Đăk Ô	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
479	H19.129	UBND Xã Đăk Ô	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
480	H19.129	UBND Xã Đăk Ô	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,99
481	H19.129	UBND Xã Đăk Ô	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,15
482	H19.129	UBND Xã Đăk Ô	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
483	H19.13	Sở Văn hóa - Thể thao và Du	Công khai, minh bạch	18	18
484	H19.13	Sở Văn hóa - Thể thao và Du	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
485	H19.13	Sở Văn hóa - Thể thao và Du	Tiến độ giải quyết	20	19,64
486	H19.13	Sở Văn hóa - Thể thao và Du	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,64
487	H19.13	Sở Văn hóa - Thể thao và Du	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
488	H19.13	Sở Văn hóa - Thể thao và Du	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
489	H19.13	Sở Văn hóa - Thể thao và Du	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
490	H19.13	Sở Văn hóa - Thể thao và Du	Thanh toán trực tuyến	10	7,37
491	H19.13	Sở Văn hóa - Thể thao và Du	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2

492	H19.13	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
493	H19.13	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	3,37
494	H19.13	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	Mức độ hài lòng	18	18
495	H19.13	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
496	H19.13	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
497	H19.13	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
498	H19.13	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	Số hóa hồ sơ	22	18,21
499	H19.13	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,84
500	H19.13	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
501	H19.13	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
502	H19.13	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	4
503	H19.13	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,37
504	H19.13	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
505	H19.130	UBND Xã Phú Nghĩa	Công khai, minh bạch	18	18
506	H19.130	UBND Xã Phú Nghĩa	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
507	H19.130	UBND Xã Phú Nghĩa	Tiến độ giải quyết	20	19,41
508	H19.130	UBND Xã Phú Nghĩa	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,41
509	H19.130	UBND Xã Phú Nghĩa	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
510	H19.130	UBND Xã Phú Nghĩa	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
511	H19.130	UBND Xã Phú Nghĩa	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
512	H19.130	UBND Xã Phú Nghĩa	Thanh toán trực tuyến	10	10
513	H19.130	UBND Xã Phú Nghĩa	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
514	H19.130	UBND Xã Phú Nghĩa	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
515	H19.130	UBND Xã Phú Nghĩa	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
516	H19.130	UBND Xã Phú Nghĩa	Mức độ hài lòng	18	18
517	H19.130	UBND Xã Phú Nghĩa	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
518	H19.130	UBND Xã Phú Nghĩa	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
519	H19.130	UBND Xã Phú Nghĩa	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
520	H19.130	UBND Xã Phú Nghĩa	Số hóa hồ sơ	22	20,11
521	H19.130	UBND Xã Phú Nghĩa	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,6
522	H19.130	UBND Xã Phú Nghĩa	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
523	H19.130	UBND Xã Phú Nghĩa	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
524	H19.130	UBND Xã Phú Nghĩa	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
525	H19.130	UBND Xã Phú Nghĩa	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	3,98
526	H19.130	UBND Xã Phú Nghĩa	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,53
527	H19.130	UBND Xã Phú Nghĩa	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
528	H19.131	UBND Xã Đa Kì	Công khai, minh bạch	18	18
529	H19.131	UBND Xã Đa Kì	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
530	H19.131	UBND Xã Đa Kì	Tiến độ giải quyết	20	19,88
531	H19.131	UBND Xã Đa Kì	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,88
532	H19.131	UBND Xã Đa Kì	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
533	H19.131	UBND Xã Đa Kì	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
534	H19.131	UBND Xã Đa Kì	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
535	H19.131	UBND Xã Đa Kì	Thanh toán trực tuyến	10	10
536	H19.131	UBND Xã Đa Kì	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
537	H19.131	UBND Xã Đa Kì	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
538	H19.131	UBND Xã Đa Kì	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
539	H19.131	UBND Xã Đa Kì	Mức độ hài lòng	18	18
540	H19.131	UBND Xã Đa Kì	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
541	H19.131	UBND Xã Đa Kì	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
542	H19.131	UBND Xã Đa Kì	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
543	H19.131	UBND Xã Đa Kì	Số hóa hồ sơ	22	21,14
544	H19.131	UBND Xã Đa Kì	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,95
545	H19.131	UBND Xã Đa Kì	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
546	H19.131	UBND Xã Đa Kì	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
547	H19.131	UBND Xã Đa Kì	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
548	H19.131	UBND Xã Đa Kì	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	3,99
549	H19.131	UBND Xã Đa Kì	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,2
550	H19.131	UBND Xã Đa Kì	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
551	H19.132	UBND Phường Phước Bình	Công khai, minh bạch	18	18
552	H19.132	UBND Phường Phước Bình	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
553	H19.132	UBND Phường Phước Bình	Tiến độ giải quyết	20	19,91
554	H19.132	UBND Phường Phước Bình	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,91
555	H19.132	UBND Phường Phước Bình	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
556	H19.132	UBND Phường Phước Bình	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
557	H19.132	UBND Phường Phước Bình	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
558	H19.132	UBND Phường Phước Bình	Thanh toán trực tuyến	10	10
559	H19.132	UBND Phường Phước Bình	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
560	H19.132	UBND Phường Phước Bình	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
561	H19.132	UBND Phường Phước Bình	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
562	H19.132	UBND Phường Phước Bình	Mức độ hài lòng	18	18

563	H19.132	UBND Phường Phước Bình	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
564	H19.132	UBND Phường Phước Bình	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
565	H19.132	UBND Phường Phước Bình	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
566	H19.132	UBND Phường Phước Bình	Số hóa hồ sơ	22	20,42
567	H19.132	UBND Phường Phước Bình	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,87
568	H19.132	UBND Phường Phước Bình	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
569	H19.132	UBND Phường Phước Bình	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
570	H19.132	UBND Phường Phước Bình	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
571	H19.132	UBND Phường Phước Bình	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,97
572	H19.132	UBND Phường Phước Bình	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,58
573	H19.132	UBND Phường Phước Bình	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
574	H19.133	UBND Phường Phước Long	Công khai, minh bạch	18	18
575	H19.133	UBND Phường Phước Long	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
576	H19.133	UBND Phường Phước Long	Tiến độ giải quyết	20	19,87
577	H19.133	UBND Phường Phước Long	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,87
578	H19.133	UBND Phường Phước Long	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
579	H19.133	UBND Phường Phước Long	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
580	H19.133	UBND Phường Phước Long	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
581	H19.133	UBND Phường Phước Long	Thanh toán trực tuyến	10	10
582	H19.133	UBND Phường Phước Long	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
583	H19.133	UBND Phường Phước Long	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
584	H19.133	UBND Phường Phước Long	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
585	H19.133	UBND Phường Phước Long	Mức độ hài lòng	18	18
586	H19.133	UBND Phường Phước Long	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
587	H19.133	UBND Phường Phước Long	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
588	H19.133	UBND Phường Phước Long	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
589	H19.133	UBND Phường Phước Long	Số hóa hồ sơ	22	21,26
590	H19.133	UBND Phường Phước Long	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,88
591	H19.133	UBND Phường Phước Long	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
592	H19.133	UBND Phường Phước Long	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
593	H19.133	UBND Phường Phước Long	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
594	H19.133	UBND Phường Phước Long	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,75
595	H19.133	UBND Phường Phước Long	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,63
596	H19.133	UBND Phường Phước Long	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
597	H19.134	UBND Xã Bình Tân	Công khai, minh bạch	18	18
598	H19.134	UBND Xã Bình Tân	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
599	H19.134	UBND Xã Bình Tân	Tiến độ giải quyết	20	19,8
600	H19.134	UBND Xã Bình Tân	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,8
601	H19.134	UBND Xã Bình Tân	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
602	H19.134	UBND Xã Bình Tân	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
603	H19.134	UBND Xã Bình Tân	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
604	H19.134	UBND Xã Bình Tân	Thanh toán trực tuyến	10	10
605	H19.134	UBND Xã Bình Tân	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
606	H19.134	UBND Xã Bình Tân	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
607	H19.134	UBND Xã Bình Tân	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
608	H19.134	UBND Xã Bình Tân	Mức độ hài lòng	18	18
609	H19.134	UBND Xã Bình Tân	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
610	H19.134	UBND Xã Bình Tân	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
611	H19.134	UBND Xã Bình Tân	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
612	H19.134	UBND Xã Bình Tân	Số hóa hồ sơ	22	21,61
613	H19.134	UBND Xã Bình Tân	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,93
614	H19.134	UBND Xã Bình Tân	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
615	H19.134	UBND Xã Bình Tân	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
616	H19.134	UBND Xã Bình Tân	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
617	H19.134	UBND Xã Bình Tân	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,99
618	H19.134	UBND Xã Bình Tân	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,69
619	H19.134	UBND Xã Bình Tân	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
620	H19.135	UBND Xã Long Hà	Công khai, minh bạch	18	18
621	H19.135	UBND Xã Long Hà	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
622	H19.135	UBND Xã Long Hà	Tiến độ giải quyết	20	19,97
623	H19.135	UBND Xã Long Hà	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,97
624	H19.135	UBND Xã Long Hà	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
625	H19.135	UBND Xã Long Hà	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
626	H19.135	UBND Xã Long Hà	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
627	H19.135	UBND Xã Long Hà	Thanh toán trực tuyến	10	10
628	H19.135	UBND Xã Long Hà	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
629	H19.135	UBND Xã Long Hà	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
630	H19.135	UBND Xã Long Hà	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
631	H19.135	UBND Xã Long Hà	Mức độ hài lòng	18	18
632	H19.135	UBND Xã Long Hà	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
633	H19.135	UBND Xã Long Hà	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6

634	H19.135	UBND Xã Long Hà	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
635	H19.135	UBND Xã Long Hà	Số hóa hồ sơ	22	20,71
636	H19.135	UBND Xã Long Hà	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,96
637	H19.135	UBND Xã Long Hà	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
638	H19.135	UBND Xã Long Hà	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
639	H19.135	UBND Xã Long Hà	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
640	H19.135	UBND Xã Long Hà	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,92
641	H19.135	UBND Xã Long Hà	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,83
642	H19.135	UBND Xã Long Hà	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
643	H19.136	UBND Xã Phú Riềng	Công khai, minh bạch	18	18
644	H19.136	UBND Xã Phú Riềng	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
645	H19.136	UBND Xã Phú Riềng	Tiến độ giải quyết	20	19,71
646	H19.136	UBND Xã Phú Riềng	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,71
647	H19.136	UBND Xã Phú Riềng	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
648	H19.136	UBND Xã Phú Riềng	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
649	H19.136	UBND Xã Phú Riềng	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
650	H19.136	UBND Xã Phú Riềng	Thanh toán trực tuyến	10	10
651	H19.136	UBND Xã Phú Riềng	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
652	H19.136	UBND Xã Phú Riềng	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
653	H19.136	UBND Xã Phú Riềng	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
654	H19.136	UBND Xã Phú Riềng	Mức độ hài lòng	18	18
655	H19.136	UBND Xã Phú Riềng	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
656	H19.136	UBND Xã Phú Riềng	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
657	H19.136	UBND Xã Phú Riềng	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
658	H19.136	UBND Xã Phú Riềng	Số hóa hồ sơ	22	20,64
659	H19.136	UBND Xã Phú Riềng	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,69
660	H19.136	UBND Xã Phú Riềng	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
661	H19.136	UBND Xã Phú Riềng	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
662	H19.136	UBND Xã Phú Riềng	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
663	H19.136	UBND Xã Phú Riềng	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,92
664	H19.136	UBND Xã Phú Riềng	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,03
665	H19.136	UBND Xã Phú Riềng	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
666	H19.137	UBND Xã Phú Trung	Công khai, minh bạch	18	18
667	H19.137	UBND Xã Phú Trung	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
668	H19.137	UBND Xã Phú Trung	Tiến độ giải quyết	20	19,93
669	H19.137	UBND Xã Phú Trung	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,93
670	H19.137	UBND Xã Phú Trung	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
671	H19.137	UBND Xã Phú Trung	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
672	H19.137	UBND Xã Phú Trung	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
673	H19.137	UBND Xã Phú Trung	Thanh toán trực tuyến	10	10
674	H19.137	UBND Xã Phú Trung	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
675	H19.137	UBND Xã Phú Trung	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
676	H19.137	UBND Xã Phú Trung	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
677	H19.137	UBND Xã Phú Trung	Mức độ hài lòng	18	18
678	H19.137	UBND Xã Phú Trung	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
679	H19.137	UBND Xã Phú Trung	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
680	H19.137	UBND Xã Phú Trung	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
681	H19.137	UBND Xã Phú Trung	Số hóa hồ sơ	22	20,16
682	H19.137	UBND Xã Phú Trung	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,68
683	H19.137	UBND Xã Phú Trung	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
684	H19.137	UBND Xã Phú Trung	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
685	H19.137	UBND Xã Phú Trung	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
686	H19.137	UBND Xã Phú Trung	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,96
687	H19.137	UBND Xã Phú Trung	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,52
688	H19.137	UBND Xã Phú Trung	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
689	H19.138	UBND Phường Đồng Xoài	Công khai, minh bạch	18	18
690	H19.138	UBND Phường Đồng Xoài	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
691	H19.138	UBND Phường Đồng Xoài	Tiến độ giải quyết	20	19,56
692	H19.138	UBND Phường Đồng Xoài	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,56
693	H19.138	UBND Phường Đồng Xoài	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
694	H19.138	UBND Phường Đồng Xoài	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
695	H19.138	UBND Phường Đồng Xoài	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
696	H19.138	UBND Phường Đồng Xoài	Thanh toán trực tuyến	10	10
697	H19.138	UBND Phường Đồng Xoài	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
698	H19.138	UBND Phường Đồng Xoài	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
699	H19.138	UBND Phường Đồng Xoài	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
700	H19.138	UBND Phường Đồng Xoài	Mức độ hài lòng	18	18
701	H19.138	UBND Phường Đồng Xoài	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
702	H19.138	UBND Phường Đồng Xoài	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
703	H19.138	UBND Phường Đồng Xoài	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
704	H19.138	UBND Phường Đồng Xoài	Số hóa hồ sơ	22	21,69

705	H19.138	UBND Phường Đồng Xoài	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,98
706	H19.138	UBND Phường Đồng Xoài	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
707	H19.138	UBND Phường Đồng Xoài	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
708	H19.138	UBND Phường Đồng Xoài	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
709	H19.138	UBND Phường Đồng Xoài	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,97
710	H19.138	UBND Phường Đồng Xoài	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,74
711	H19.138	UBND Phường Đồng Xoài	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
712	H19.139	UBND Phường Bình Phước	Công khai, minh bạch	18	18
713	H19.139	UBND Phường Bình Phước	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
714	H19.139	UBND Phường Bình Phước	Tiến độ giải quyết	20	19,71
715	H19.139	UBND Phường Bình Phước	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,71
716	H19.139	UBND Phường Bình Phước	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
717	H19.139	UBND Phường Bình Phước	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
718	H19.139	UBND Phường Bình Phước	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
719	H19.139	UBND Phường Bình Phước	Thanh toán trực tuyến	10	10
720	H19.139	UBND Phường Bình Phước	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
721	H19.139	UBND Phường Bình Phước	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
722	H19.139	UBND Phường Bình Phước	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
723	H19.139	UBND Phường Bình Phước	Mức độ hài lòng	18	18
724	H19.139	UBND Phường Bình Phước	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
725	H19.139	UBND Phường Bình Phước	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
726	H19.139	UBND Phường Bình Phước	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
727	H19.139	UBND Phường Bình Phước	Số hóa hồ sơ	22	21,89
728	H19.139	UBND Phường Bình Phước	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,99
729	H19.139	UBND Phường Bình Phước	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
730	H19.139	UBND Phường Bình Phước	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
731	H19.139	UBND Phường Bình Phước	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
732	H19.139	UBND Phường Bình Phước	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,96
733	H19.139	UBND Phường Bình Phước	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,94
734	H19.139	UBND Phường Bình Phước	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
735	H19.14	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	Công khai, minh bạch	18	18
736	H19.14	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
737	H19.14	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	Tiến độ giải quyết	20	19,45
738	H19.14	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,45
739	H19.14	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
740	H19.14	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
741	H19.14	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
742	H19.14	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	Thanh toán trực tuyến	10	7,86
743	H19.14	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
744	H19.14	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
745	H19.14	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	3,86
746	H19.14	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	Mức độ hài lòng	18	18
747	H19.14	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
748	H19.14	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
749	H19.14	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
750	H19.14	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	Số hóa hồ sơ	22	18,89
751	H19.14	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,89
752	H19.14	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
753	H19.14	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
754	H19.14	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	4
755	H19.14	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1
756	H19.14	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
757	H19.140	UBND Xã Thuận Lợi	Công khai, minh bạch	18	18
758	H19.140	UBND Xã Thuận Lợi	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
759	H19.140	UBND Xã Thuận Lợi	Tiến độ giải quyết	20	19,87
760	H19.140	UBND Xã Thuận Lợi	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,87
761	H19.140	UBND Xã Thuận Lợi	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
762	H19.140	UBND Xã Thuận Lợi	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
763	H19.140	UBND Xã Thuận Lợi	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
764	H19.140	UBND Xã Thuận Lợi	Thanh toán trực tuyến	10	10
765	H19.140	UBND Xã Thuận Lợi	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
766	H19.140	UBND Xã Thuận Lợi	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
767	H19.140	UBND Xã Thuận Lợi	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
768	H19.140	UBND Xã Thuận Lợi	Mức độ hài lòng	18	18
769	H19.140	UBND Xã Thuận Lợi	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
770	H19.140	UBND Xã Thuận Lợi	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
771	H19.140	UBND Xã Thuận Lợi	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
772	H19.140	UBND Xã Thuận Lợi	Số hóa hồ sơ	22	21,88
773	H19.140	UBND Xã Thuận Lợi	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,97
774	H19.140	UBND Xã Thuận Lợi	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
775	H19.140	UBND Xã Thuận Lợi	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2

776	H19.140	UBND Xã Thuận Lợi	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
777	H19.140	UBND Xã Thuận Lợi	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,97
778	H19.140	UBND Xã Thuận Lợi	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,94
779	H19.140	UBND Xã Thuận Lợi	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
780	H19.141	UBND Xã Đồng Tâm	Công khai, minh bạch	18	18
781	H19.141	UBND Xã Đồng Tâm	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
782	H19.141	UBND Xã Đồng Tâm	Tiến độ giải quyết	20	19,95
783	H19.141	UBND Xã Đồng Tâm	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,95
784	H19.141	UBND Xã Đồng Tâm	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
785	H19.141	UBND Xã Đồng Tâm	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
786	H19.141	UBND Xã Đồng Tâm	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
787	H19.141	UBND Xã Đồng Tâm	Thanh toán trực tuyến	10	10
788	H19.141	UBND Xã Đồng Tâm	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
789	H19.141	UBND Xã Đồng Tâm	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
790	H19.141	UBND Xã Đồng Tâm	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
791	H19.141	UBND Xã Đồng Tâm	Mức độ hài lòng	18	18
792	H19.141	UBND Xã Đồng Tâm	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
793	H19.141	UBND Xã Đồng Tâm	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
794	H19.141	UBND Xã Đồng Tâm	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
795	H19.141	UBND Xã Đồng Tâm	Số hóa hồ sơ	22	21,03
796	H19.141	UBND Xã Đồng Tâm	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,97
797	H19.141	UBND Xã Đồng Tâm	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
798	H19.141	UBND Xã Đồng Tâm	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
799	H19.141	UBND Xã Đồng Tâm	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
800	H19.141	UBND Xã Đồng Tâm	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,98
801	H19.141	UBND Xã Đồng Tâm	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,08
802	H19.141	UBND Xã Đồng Tâm	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
803	H19.142	UBND Xã Tân Lợi	Công khai, minh bạch	18	18
804	H19.142	UBND Xã Tân Lợi	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
805	H19.142	UBND Xã Tân Lợi	Tiến độ giải quyết	20	19,88
806	H19.142	UBND Xã Tân Lợi	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,88
807	H19.142	UBND Xã Tân Lợi	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
808	H19.142	UBND Xã Tân Lợi	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
809	H19.142	UBND Xã Tân Lợi	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
810	H19.142	UBND Xã Tân Lợi	Thanh toán trực tuyến	10	10
811	H19.142	UBND Xã Tân Lợi	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
812	H19.142	UBND Xã Tân Lợi	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
813	H19.142	UBND Xã Tân Lợi	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
814	H19.142	UBND Xã Tân Lợi	Mức độ hài lòng	18	18
815	H19.142	UBND Xã Tân Lợi	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
816	H19.142	UBND Xã Tân Lợi	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
817	H19.142	UBND Xã Tân Lợi	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
818	H19.142	UBND Xã Tân Lợi	Số hóa hồ sơ	22	21,83
819	H19.142	UBND Xã Tân Lợi	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,99
820	H19.142	UBND Xã Tân Lợi	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
821	H19.142	UBND Xã Tân Lợi	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
822	H19.142	UBND Xã Tân Lợi	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
823	H19.142	UBND Xã Tân Lợi	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,96
824	H19.142	UBND Xã Tân Lợi	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,88
825	H19.142	UBND Xã Tân Lợi	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
826	H19.143	UBND Xã Đồng Phú	Công khai, minh bạch	18	18
827	H19.143	UBND Xã Đồng Phú	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
828	H19.143	UBND Xã Đồng Phú	Tiến độ giải quyết	20	19,69
829	H19.143	UBND Xã Đồng Phú	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,69
830	H19.143	UBND Xã Đồng Phú	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
831	H19.143	UBND Xã Đồng Phú	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
832	H19.143	UBND Xã Đồng Phú	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
833	H19.143	UBND Xã Đồng Phú	Thanh toán trực tuyến	10	10
834	H19.143	UBND Xã Đồng Phú	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
835	H19.143	UBND Xã Đồng Phú	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
836	H19.143	UBND Xã Đồng Phú	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
837	H19.143	UBND Xã Đồng Phú	Mức độ hài lòng	18	18
838	H19.143	UBND Xã Đồng Phú	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
839	H19.143	UBND Xã Đồng Phú	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
840	H19.143	UBND Xã Đồng Phú	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
841	H19.143	UBND Xã Đồng Phú	Số hóa hồ sơ	22	21,17
842	H19.143	UBND Xã Đồng Phú	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,99
843	H19.143	UBND Xã Đồng Phú	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
844	H19.143	UBND Xã Đồng Phú	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
845	H19.143	UBND Xã Đồng Phú	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
846	H19.143	UBND Xã Đồng Phú	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,98

847	H19.143	UBND Xã Đồng Phú	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,2
848	H19.143	UBND Xã Đồng Phú	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
849	H19.144	UBND Xã Phước Sơn	Công khai, minh bạch	18	18
850	H19.144	UBND Xã Phước Sơn	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
851	H19.144	UBND Xã Phước Sơn	Tiến độ giải quyết	20	19,86
852	H19.144	UBND Xã Phước Sơn	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,86
853	H19.144	UBND Xã Phước Sơn	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
854	H19.144	UBND Xã Phước Sơn	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
855	H19.144	UBND Xã Phước Sơn	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
856	H19.144	UBND Xã Phước Sơn	Thanh toán trực tuyến	10	10
857	H19.144	UBND Xã Phước Sơn	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
858	H19.144	UBND Xã Phước Sơn	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
859	H19.144	UBND Xã Phước Sơn	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
860	H19.144	UBND Xã Phước Sơn	Mức độ hài lòng	18	18
861	H19.144	UBND Xã Phước Sơn	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
862	H19.144	UBND Xã Phước Sơn	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
863	H19.144	UBND Xã Phước Sơn	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
864	H19.144	UBND Xã Phước Sơn	Số hóa hồ sơ	22	21,65
865	H19.144	UBND Xã Phước Sơn	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,9
866	H19.144	UBND Xã Phước Sơn	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
867	H19.144	UBND Xã Phước Sơn	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
868	H19.144	UBND Xã Phước Sơn	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
869	H19.144	UBND Xã Phước Sơn	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,99
870	H19.144	UBND Xã Phước Sơn	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,76
871	H19.144	UBND Xã Phước Sơn	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
872	H19.145	UBND Xã Nghĩa Trung	Công khai, minh bạch	18	18
873	H19.145	UBND Xã Nghĩa Trung	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
874	H19.145	UBND Xã Nghĩa Trung	Tiến độ giải quyết	20	19,92
875	H19.145	UBND Xã Nghĩa Trung	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,92
876	H19.145	UBND Xã Nghĩa Trung	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
877	H19.145	UBND Xã Nghĩa Trung	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
878	H19.145	UBND Xã Nghĩa Trung	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
879	H19.145	UBND Xã Nghĩa Trung	Thanh toán trực tuyến	10	10
880	H19.145	UBND Xã Nghĩa Trung	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
881	H19.145	UBND Xã Nghĩa Trung	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
882	H19.145	UBND Xã Nghĩa Trung	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
883	H19.145	UBND Xã Nghĩa Trung	Mức độ hài lòng	18	18
884	H19.145	UBND Xã Nghĩa Trung	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
885	H19.145	UBND Xã Nghĩa Trung	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
886	H19.145	UBND Xã Nghĩa Trung	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
887	H19.145	UBND Xã Nghĩa Trung	Số hóa hồ sơ	22	21,58
888	H19.145	UBND Xã Nghĩa Trung	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,84
889	H19.145	UBND Xã Nghĩa Trung	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
890	H19.145	UBND Xã Nghĩa Trung	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
891	H19.145	UBND Xã Nghĩa Trung	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
892	H19.145	UBND Xã Nghĩa Trung	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,95
893	H19.145	UBND Xã Nghĩa Trung	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,79
894	H19.145	UBND Xã Nghĩa Trung	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
895	H19.146	UBND Xã Bù Đăng	Công khai, minh bạch	18	18
896	H19.146	UBND Xã Bù Đăng	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
897	H19.146	UBND Xã Bù Đăng	Tiến độ giải quyết	20	19,35
898	H19.146	UBND Xã Bù Đăng	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,35
899	H19.146	UBND Xã Bù Đăng	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
900	H19.146	UBND Xã Bù Đăng	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
901	H19.146	UBND Xã Bù Đăng	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
902	H19.146	UBND Xã Bù Đăng	Thanh toán trực tuyến	10	10
903	H19.146	UBND Xã Bù Đăng	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
904	H19.146	UBND Xã Bù Đăng	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
905	H19.146	UBND Xã Bù Đăng	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
906	H19.146	UBND Xã Bù Đăng	Mức độ hài lòng	18	18
907	H19.146	UBND Xã Bù Đăng	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
908	H19.146	UBND Xã Bù Đăng	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
909	H19.146	UBND Xã Bù Đăng	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
910	H19.146	UBND Xã Bù Đăng	Số hóa hồ sơ	22	20,65
911	H19.146	UBND Xã Bù Đăng	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,95
912	H19.146	UBND Xã Bù Đăng	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
913	H19.146	UBND Xã Bù Đăng	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
914	H19.146	UBND Xã Bù Đăng	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
915	H19.146	UBND Xã Bù Đăng	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,96
916	H19.146	UBND Xã Bù Đăng	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,74
917	H19.146	UBND Xã Bù Đăng	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2

918	H19.147	UBND Xã Thọ Sơn	Công khai, minh bạch	18	18
919	H19.147	UBND Xã Thọ Sơn	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
920	H19.147	UBND Xã Thọ Sơn	Tiến độ giải quyết	20	20
921	H19.147	UBND Xã Thọ Sơn	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	20
922	H19.147	UBND Xã Thọ Sơn	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
923	H19.147	UBND Xã Thọ Sơn	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
924	H19.147	UBND Xã Thọ Sơn	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
925	H19.147	UBND Xã Thọ Sơn	Thanh toán trực tuyến	10	10
926	H19.147	UBND Xã Thọ Sơn	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
927	H19.147	UBND Xã Thọ Sơn	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
928	H19.147	UBND Xã Thọ Sơn	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
929	H19.147	UBND Xã Thọ Sơn	Mức độ hài lòng	18	18
930	H19.147	UBND Xã Thọ Sơn	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
931	H19.147	UBND Xã Thọ Sơn	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
932	H19.147	UBND Xã Thọ Sơn	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
933	H19.147	UBND Xã Thọ Sơn	Số hóa hồ sơ	22	20,52
934	H19.147	UBND Xã Thọ Sơn	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,98
935	H19.147	UBND Xã Thọ Sơn	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
936	H19.147	UBND Xã Thọ Sơn	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
937	H19.147	UBND Xã Thọ Sơn	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
938	H19.147	UBND Xã Thọ Sơn	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,98
939	H19.147	UBND Xã Thọ Sơn	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,56
940	H19.147	UBND Xã Thọ Sơn	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
941	H19.148	UBND Xã Đak Nhau	Công khai, minh bạch	18	18
942	H19.148	UBND Xã Đak Nhau	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
943	H19.148	UBND Xã Đak Nhau	Tiến độ giải quyết	20	18,06
944	H19.148	UBND Xã Đak Nhau	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	18,06
945	H19.148	UBND Xã Đak Nhau	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
946	H19.148	UBND Xã Đak Nhau	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
947	H19.148	UBND Xã Đak Nhau	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
948	H19.148	UBND Xã Đak Nhau	Thanh toán trực tuyến	10	10
949	H19.148	UBND Xã Đak Nhau	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
950	H19.148	UBND Xã Đak Nhau	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
951	H19.148	UBND Xã Đak Nhau	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
952	H19.148	UBND Xã Đak Nhau	Mức độ hài lòng	18	18
953	H19.148	UBND Xã Đak Nhau	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
954	H19.148	UBND Xã Đak Nhau	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
955	H19.148	UBND Xã Đak Nhau	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
956	H19.148	UBND Xã Đak Nhau	Số hóa hồ sơ	22	21,26
957	H19.148	UBND Xã Đak Nhau	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,86
958	H19.148	UBND Xã Đak Nhau	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
959	H19.148	UBND Xã Đak Nhau	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
960	H19.148	UBND Xã Đak Nhau	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
961	H19.148	UBND Xã Đak Nhau	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,9
962	H19.148	UBND Xã Đak Nhau	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,5
963	H19.148	UBND Xã Đak Nhau	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
964	H19.149	UBND Xã Bom Bo	Công khai, minh bạch	18	18
965	H19.149	UBND Xã Bom Bo	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
966	H19.149	UBND Xã Bom Bo	Tiến độ giải quyết	20	19,97
967	H19.149	UBND Xã Bom Bo	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,97
968	H19.149	UBND Xã Bom Bo	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
969	H19.149	UBND Xã Bom Bo	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
970	H19.149	UBND Xã Bom Bo	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
971	H19.149	UBND Xã Bom Bo	Thanh toán trực tuyến	10	10
972	H19.149	UBND Xã Bom Bo	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
973	H19.149	UBND Xã Bom Bo	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
974	H19.149	UBND Xã Bom Bo	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
975	H19.149	UBND Xã Bom Bo	Mức độ hài lòng	18	18
976	H19.149	UBND Xã Bom Bo	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
977	H19.149	UBND Xã Bom Bo	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
978	H19.149	UBND Xã Bom Bo	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
979	H19.149	UBND Xã Bom Bo	Số hóa hồ sơ	22	20,66
980	H19.149	UBND Xã Bom Bo	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,86
981	H19.149	UBND Xã Bom Bo	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
982	H19.149	UBND Xã Bom Bo	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
983	H19.149	UBND Xã Bom Bo	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
984	H19.149	UBND Xã Bom Bo	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	4
985	H19.149	UBND Xã Bom Bo	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,8
986	H19.149	UBND Xã Bom Bo	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
987	H19.15	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Công khai, minh bạch	18	18
988	H19.15	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18

989	H19.15	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Tiến độ giải quyết	20	18,55
990	H19.15	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	18,55
991	H19.15	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
992	H19.15	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
993	H19.15	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
994	H19.15	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Thanh toán trực tuyến	10	7
995	H19.15	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
996	H19.15	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
997	H19.15	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	3
998	H19.15	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Mức độ hài lòng	18	18
999	H19.15	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1000	H19.15	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1001	H19.15	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1002	H19.15	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Số hóa hồ sơ	22	18,79
1003	H19.15	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,93
1004	H19.15	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1005	H19.15	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	1,25
1006	H19.15	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	3,98
1007	H19.15	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,76
1008	H19.15	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	1,87
1009	H19.150	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai	Công khai, minh bạch	18	7,2
1010	H19.150	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	7,2
1011	H19.150	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai	Tiến độ giải quyết	20	19,2
1012	H19.150	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,2
1013	H19.150	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai	Dịch vụ công trực tuyến	12	8,8
1014	H19.150	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1015	H19.150	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	4,8
1016	H19.150	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai	Thanh toán trực tuyến	10	7
1017	H19.150	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1018	H19.150	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1019	H19.150	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	3
1020	H19.150	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai	Mức độ hài lòng	18	18
1021	H19.150	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1022	H19.150	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1023	H19.150	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1024	H19.150	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai	Số hóa hồ sơ	22	16,75
1025	H19.150	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,5
1026	H19.150	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1027	H19.150	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1028	H19.150	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	3,67
1029	H19.150	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,67
1030	H19.150	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	0,91
1031	H19.151	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	Công khai, minh bạch	18	18
1032	H19.151	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1033	H19.151	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	Tiến độ giải quyết	20	19,71
1034	H19.151	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,71
1035	H19.151	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1036	H19.151	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1037	H19.151	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1038	H19.151	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	Thanh toán trực tuyến	10	10
1039	H19.151	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1040	H19.151	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1041	H19.151	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1042	H19.151	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	Mức độ hài lòng	18	18
1043	H19.151	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1044	H19.151	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1045	H19.151	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1046	H19.151	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	Số hóa hồ sơ	22	19,21
1047	H19.151	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,67
1048	H19.151	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1049	H19.151	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1050	H19.151	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	3,93
1051	H19.151	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,61
1052	H19.151	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1053	H19.152	UBND phường Biên Hòa	Công khai, minh bạch	18	18
1054	H19.152	UBND phường Biên Hòa	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1055	H19.152	UBND phường Biên Hòa	Tiến độ giải quyết	20	19,77
1056	H19.152	UBND phường Biên Hòa	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,77
1057	H19.152	UBND phường Biên Hòa	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1058	H19.152	UBND phường Biên Hòa	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1059	H19.152	UBND phường Biên Hòa	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6

1060	H19.152	UBND phường Biên Hòa	Thanh toán trực tuyến	10	10
1061	H19.152	UBND phường Biên Hòa	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1062	H19.152	UBND phường Biên Hòa	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1063	H19.152	UBND phường Biên Hòa	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1064	H19.152	UBND phường Biên Hòa	Mức độ hài lòng	18	18
1065	H19.152	UBND phường Biên Hòa	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1066	H19.152	UBND phường Biên Hòa	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1067	H19.152	UBND phường Biên Hòa	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1068	H19.152	UBND phường Biên Hòa	Số hóa hồ sơ	22	20,95
1069	H19.152	UBND phường Biên Hòa	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,49
1070	H19.152	UBND phường Biên Hòa	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1071	H19.152	UBND phường Biên Hòa	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1072	H19.152	UBND phường Biên Hòa	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1073	H19.152	UBND phường Biên Hòa	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	3,87
1074	H19.152	UBND phường Biên Hòa	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,59
1075	H19.152	UBND phường Biên Hòa	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1076	H19.153	UBND phường Trảng Bền	Công khai, minh bạch	18	18
1077	H19.153	UBND phường Trảng Bền	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1078	H19.153	UBND phường Trảng Bền	Tiến độ giải quyết	20	19,69
1079	H19.153	UBND phường Trảng Bền	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,69
1080	H19.153	UBND phường Trảng Bền	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1081	H19.153	UBND phường Trảng Bền	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1082	H19.153	UBND phường Trảng Bền	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1083	H19.153	UBND phường Trảng Bền	Thanh toán trực tuyến	10	10
1084	H19.153	UBND phường Trảng Bền	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1085	H19.153	UBND phường Trảng Bền	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1086	H19.153	UBND phường Trảng Bền	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1087	H19.153	UBND phường Trảng Bền	Mức độ hài lòng	18	18
1088	H19.153	UBND phường Trảng Bền	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1089	H19.153	UBND phường Trảng Bền	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1090	H19.153	UBND phường Trảng Bền	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1091	H19.153	UBND phường Trảng Bền	Số hóa hồ sơ	22	20,88
1092	H19.153	UBND phường Trảng Bền	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,98
1093	H19.153	UBND phường Trảng Bền	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1094	H19.153	UBND phường Trảng Bền	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1095	H19.153	UBND phường Trảng Bền	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1096	H19.153	UBND phường Trảng Bền	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	3,98
1097	H19.153	UBND phường Trảng Bền	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,92
1098	H19.153	UBND phường Trảng Bền	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1099	H19.154	UBND phường Tam Hiệp	Công khai, minh bạch	18	18
1100	H19.154	UBND phường Tam Hiệp	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1101	H19.154	UBND phường Tam Hiệp	Tiến độ giải quyết	20	19,51
1102	H19.154	UBND phường Tam Hiệp	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,51
1103	H19.154	UBND phường Tam Hiệp	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1104	H19.154	UBND phường Tam Hiệp	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1105	H19.154	UBND phường Tam Hiệp	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1106	H19.154	UBND phường Tam Hiệp	Thanh toán trực tuyến	10	10
1107	H19.154	UBND phường Tam Hiệp	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1108	H19.154	UBND phường Tam Hiệp	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1109	H19.154	UBND phường Tam Hiệp	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1110	H19.154	UBND phường Tam Hiệp	Mức độ hài lòng	18	18
1111	H19.154	UBND phường Tam Hiệp	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1112	H19.154	UBND phường Tam Hiệp	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1113	H19.154	UBND phường Tam Hiệp	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1114	H19.154	UBND phường Tam Hiệp	Số hóa hồ sơ	22	21,32
1115	H19.154	UBND phường Tam Hiệp	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,8
1116	H19.154	UBND phường Tam Hiệp	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1117	H19.154	UBND phường Tam Hiệp	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1118	H19.154	UBND phường Tam Hiệp	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1119	H19.154	UBND phường Tam Hiệp	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	3,97
1120	H19.154	UBND phường Tam Hiệp	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,55
1121	H19.154	UBND phường Tam Hiệp	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1122	H19.155	UBND phường Long Bình	Công khai, minh bạch	18	18
1123	H19.155	UBND phường Long Bình	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1124	H19.155	UBND phường Long Bình	Tiến độ giải quyết	20	19,96
1125	H19.155	UBND phường Long Bình	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,96
1126	H19.155	UBND phường Long Bình	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1127	H19.155	UBND phường Long Bình	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1128	H19.155	UBND phường Long Bình	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1129	H19.155	UBND phường Long Bình	Thanh toán trực tuyến	10	10
1130	H19.155	UBND phường Long Bình	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2

1131	H19.155	UBND phường Long Bình	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1132	H19.155	UBND phường Long Bình	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1133	H19.155	UBND phường Long Bình	Mức độ hài lòng	18	18
1134	H19.155	UBND phường Long Bình	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1135	H19.155	UBND phường Long Bình	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1136	H19.155	UBND phường Long Bình	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1137	H19.155	UBND phường Long Bình	Số hóa hồ sơ	22	21,54
1138	H19.155	UBND phường Long Bình	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,89
1139	H19.155	UBND phường Long Bình	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1140	H19.155	UBND phường Long Bình	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1141	H19.155	UBND phường Long Bình	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1142	H19.155	UBND phường Long Bình	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,97
1143	H19.155	UBND phường Long Bình	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,68
1144	H19.155	UBND phường Long Bình	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1145	H19.156	UBND phường Trảng Dài	Công khai, minh bạch	18	18
1146	H19.156	UBND phường Trảng Dài	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1147	H19.156	UBND phường Trảng Dài	Tiến độ giải quyết	20	19,67
1148	H19.156	UBND phường Trảng Dài	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,67
1149	H19.156	UBND phường Trảng Dài	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1150	H19.156	UBND phường Trảng Dài	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1151	H19.156	UBND phường Trảng Dài	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1152	H19.156	UBND phường Trảng Dài	Thanh toán trực tuyến	10	10
1153	H19.156	UBND phường Trảng Dài	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1154	H19.156	UBND phường Trảng Dài	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1155	H19.156	UBND phường Trảng Dài	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1156	H19.156	UBND phường Trảng Dài	Mức độ hài lòng	18	18
1157	H19.156	UBND phường Trảng Dài	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1158	H19.156	UBND phường Trảng Dài	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1159	H19.156	UBND phường Trảng Dài	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1160	H19.156	UBND phường Trảng Dài	Số hóa hồ sơ	22	21,37
1161	H19.156	UBND phường Trảng Dài	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,95
1162	H19.156	UBND phường Trảng Dài	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1163	H19.156	UBND phường Trảng Dài	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1164	H19.156	UBND phường Trảng Dài	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1165	H19.156	UBND phường Trảng Dài	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,98
1166	H19.156	UBND phường Trảng Dài	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,44
1167	H19.156	UBND phường Trảng Dài	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1168	H19.157	UBND phường Hồ Nai	Công khai, minh bạch	18	18
1169	H19.157	UBND phường Hồ Nai	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1170	H19.157	UBND phường Hồ Nai	Tiến độ giải quyết	20	19,68
1171	H19.157	UBND phường Hồ Nai	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,68
1172	H19.157	UBND phường Hồ Nai	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1173	H19.157	UBND phường Hồ Nai	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1174	H19.157	UBND phường Hồ Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1175	H19.157	UBND phường Hồ Nai	Thanh toán trực tuyến	10	8,37
1176	H19.157	UBND phường Hồ Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1177	H19.157	UBND phường Hồ Nai	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1178	H19.157	UBND phường Hồ Nai	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	4,37
1179	H19.157	UBND phường Hồ Nai	Mức độ hài lòng	18	18
1180	H19.157	UBND phường Hồ Nai	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1181	H19.157	UBND phường Hồ Nai	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1182	H19.157	UBND phường Hồ Nai	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1183	H19.157	UBND phường Hồ Nai	Số hóa hồ sơ	22	21,46
1184	H19.157	UBND phường Hồ Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,8
1185	H19.157	UBND phường Hồ Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1186	H19.157	UBND phường Hồ Nai	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1187	H19.157	UBND phường Hồ Nai	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1188	H19.157	UBND phường Hồ Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,8
1189	H19.157	UBND phường Hồ Nai	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,86
1190	H19.157	UBND phường Hồ Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1191	H19.158	UBND phường Long Hưng	Công khai, minh bạch	18	18
1192	H19.158	UBND phường Long Hưng	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1193	H19.158	UBND phường Long Hưng	Tiến độ giải quyết	20	19,81
1194	H19.158	UBND phường Long Hưng	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,81
1195	H19.158	UBND phường Long Hưng	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1196	H19.158	UBND phường Long Hưng	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1197	H19.158	UBND phường Long Hưng	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1198	H19.158	UBND phường Long Hưng	Thanh toán trực tuyến	10	8,61
1199	H19.158	UBND phường Long Hưng	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1200	H19.158	UBND phường Long Hưng	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1201	H19.158	UBND phường Long Hưng	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	4,61

1202	H19.158	UBND phường Long Hưng	Mức độ hài lòng	18	18
1203	H19.158	UBND phường Long Hưng	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1204	H19.158	UBND phường Long Hưng	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1205	H19.158	UBND phường Long Hưng	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1206	H19.158	UBND phường Long Hưng	Số hóa hồ sơ	22	21,18
1207	H19.158	UBND phường Long Hưng	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,52
1208	H19.158	UBND phường Long Hưng	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1209	H19.158	UBND phường Long Hưng	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1210	H19.158	UBND phường Long Hưng	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1211	H19.158	UBND phường Long Hưng	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,92
1212	H19.158	UBND phường Long Hưng	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,74
1213	H19.158	UBND phường Long Hưng	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1214	H19.159	UBND phường Phước Tân	Công khai, minh bạch	18	18
1215	H19.159	UBND phường Phước Tân	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1216	H19.159	UBND phường Phước Tân	Tiến độ giải quyết	20	19,16
1217	H19.159	UBND phường Phước Tân	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,16
1218	H19.159	UBND phường Phước Tân	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1219	H19.159	UBND phường Phước Tân	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1220	H19.159	UBND phường Phước Tân	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1221	H19.159	UBND phường Phước Tân	Thanh toán trực tuyến	10	8,44
1222	H19.159	UBND phường Phước Tân	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1223	H19.159	UBND phường Phước Tân	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1224	H19.159	UBND phường Phước Tân	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	4,44
1225	H19.159	UBND phường Phước Tân	Mức độ hài lòng	18	18
1226	H19.159	UBND phường Phước Tân	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1227	H19.159	UBND phường Phước Tân	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1228	H19.159	UBND phường Phước Tân	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1229	H19.159	UBND phường Phước Tân	Số hóa hồ sơ	22	20,89
1230	H19.159	UBND phường Phước Tân	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,58
1231	H19.159	UBND phường Phước Tân	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1232	H19.159	UBND phường Phước Tân	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1233	H19.159	UBND phường Phước Tân	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1234	H19.159	UBND phường Phước Tân	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,76
1235	H19.159	UBND phường Phước Tân	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,55
1236	H19.159	UBND phường Phước Tân	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1237	H19.160	UBND phường Tam Phước	Công khai, minh bạch	18	18
1238	H19.160	UBND phường Tam Phước	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1239	H19.160	UBND phường Tam Phước	Tiến độ giải quyết	20	19,45
1240	H19.160	UBND phường Tam Phước	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,45
1241	H19.160	UBND phường Tam Phước	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1242	H19.160	UBND phường Tam Phước	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1243	H19.160	UBND phường Tam Phước	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1244	H19.160	UBND phường Tam Phước	Thanh toán trực tuyến	10	10
1245	H19.160	UBND phường Tam Phước	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1246	H19.160	UBND phường Tam Phước	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1247	H19.160	UBND phường Tam Phước	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1248	H19.160	UBND phường Tam Phước	Mức độ hài lòng	18	18
1249	H19.160	UBND phường Tam Phước	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1250	H19.160	UBND phường Tam Phước	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1251	H19.160	UBND phường Tam Phước	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1252	H19.160	UBND phường Tam Phước	Số hóa hồ sơ	22	21,55
1253	H19.160	UBND phường Tam Phước	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,81
1254	H19.160	UBND phường Tam Phước	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1255	H19.160	UBND phường Tam Phước	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1256	H19.160	UBND phường Tam Phước	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1257	H19.160	UBND phường Tam Phước	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,95
1258	H19.160	UBND phường Tam Phước	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,79
1259	H19.160	UBND phường Tam Phước	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1260	H19.161	UBND xã Đại Phước	Công khai, minh bạch	18	18
1261	H19.161	UBND xã Đại Phước	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1262	H19.161	UBND xã Đại Phước	Tiến độ giải quyết	20	19,57
1263	H19.161	UBND xã Đại Phước	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,57
1264	H19.161	UBND xã Đại Phước	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1265	H19.161	UBND xã Đại Phước	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1266	H19.161	UBND xã Đại Phước	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1267	H19.161	UBND xã Đại Phước	Thanh toán trực tuyến	10	10
1268	H19.161	UBND xã Đại Phước	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1269	H19.161	UBND xã Đại Phước	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1270	H19.161	UBND xã Đại Phước	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1271	H19.161	UBND xã Đại Phước	Mức độ hài lòng	18	18
1272	H19.161	UBND xã Đại Phước	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6

1273	H19.161	UBND xã Đại Phước	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1274	H19.161	UBND xã Đại Phước	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1275	H19.161	UBND xã Đại Phước	Số hóa hồ sơ	22	21,45
1276	H19.161	UBND xã Đại Phước	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,66
1277	H19.161	UBND xã Đại Phước	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1278	H19.161	UBND xã Đại Phước	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1279	H19.161	UBND xã Đại Phước	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1280	H19.161	UBND xã Đại Phước	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,99
1281	H19.161	UBND xã Đại Phước	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,8
1282	H19.161	UBND xã Đại Phước	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1283	H19.162	UBND xã Nhơn Trạch	Công khai, minh bạch	18	18
1284	H19.162	UBND xã Nhơn Trạch	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1285	H19.162	UBND xã Nhơn Trạch	Tiến độ giải quyết	20	19,11
1286	H19.162	UBND xã Nhơn Trạch	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,11
1287	H19.162	UBND xã Nhơn Trạch	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1288	H19.162	UBND xã Nhơn Trạch	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1289	H19.162	UBND xã Nhơn Trạch	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1290	H19.162	UBND xã Nhơn Trạch	Thanh toán trực tuyến	10	8,58
1291	H19.162	UBND xã Nhơn Trạch	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1292	H19.162	UBND xã Nhơn Trạch	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1293	H19.162	UBND xã Nhơn Trạch	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	4,58
1294	H19.162	UBND xã Nhơn Trạch	Mức độ hài lòng	18	18
1295	H19.162	UBND xã Nhơn Trạch	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1296	H19.162	UBND xã Nhơn Trạch	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1297	H19.162	UBND xã Nhơn Trạch	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1298	H19.162	UBND xã Nhơn Trạch	Số hóa hồ sơ	22	19,91
1299	H19.162	UBND xã Nhơn Trạch	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,46
1300	H19.162	UBND xã Nhơn Trạch	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1301	H19.162	UBND xã Nhơn Trạch	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1302	H19.162	UBND xã Nhơn Trạch	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1303	H19.162	UBND xã Nhơn Trạch	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,91
1304	H19.162	UBND xã Nhơn Trạch	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,54
1305	H19.162	UBND xã Nhơn Trạch	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1306	H19.163	UBND xã Phước An	Công khai, minh bạch	18	18
1307	H19.163	UBND xã Phước An	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1308	H19.163	UBND xã Phước An	Tiến độ giải quyết	20	19,72
1309	H19.163	UBND xã Phước An	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,72
1310	H19.163	UBND xã Phước An	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1311	H19.163	UBND xã Phước An	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1312	H19.163	UBND xã Phước An	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1313	H19.163	UBND xã Phước An	Thanh toán trực tuyến	10	10
1314	H19.163	UBND xã Phước An	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1315	H19.163	UBND xã Phước An	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1316	H19.163	UBND xã Phước An	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1317	H19.163	UBND xã Phước An	Mức độ hài lòng	18	18
1318	H19.163	UBND xã Phước An	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1319	H19.163	UBND xã Phước An	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1320	H19.163	UBND xã Phước An	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1321	H19.163	UBND xã Phước An	Số hóa hồ sơ	22	21,41
1322	H19.163	UBND xã Phước An	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,91
1323	H19.163	UBND xã Phước An	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1324	H19.163	UBND xã Phước An	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1325	H19.163	UBND xã Phước An	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1326	H19.163	UBND xã Phước An	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,95
1327	H19.163	UBND xã Phước An	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,55
1328	H19.163	UBND xã Phước An	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1329	H19.164	UBND xã Phước Thái	Công khai, minh bạch	18	18
1330	H19.164	UBND xã Phước Thái	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1331	H19.164	UBND xã Phước Thái	Tiến độ giải quyết	20	18,77
1332	H19.164	UBND xã Phước Thái	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	18,77
1333	H19.164	UBND xã Phước Thái	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1334	H19.164	UBND xã Phước Thái	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1335	H19.164	UBND xã Phước Thái	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1336	H19.164	UBND xã Phước Thái	Thanh toán trực tuyến	10	10
1337	H19.164	UBND xã Phước Thái	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1338	H19.164	UBND xã Phước Thái	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1339	H19.164	UBND xã Phước Thái	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1340	H19.164	UBND xã Phước Thái	Mức độ hài lòng	18	18
1341	H19.164	UBND xã Phước Thái	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1342	H19.164	UBND xã Phước Thái	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1343	H19.164	UBND xã Phước Thái	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6

1344	H19.164	UBND xã Phước Thái	Số hóa hồ sơ	22	21,61
1345	H19.164	UBND xã Phước Thái	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,88
1346	H19.164	UBND xã Phước Thái	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1347	H19.164	UBND xã Phước Thái	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1348	H19.164	UBND xã Phước Thái	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1349	H19.164	UBND xã Phước Thái	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,97
1350	H19.164	UBND xã Phước Thái	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,76
1351	H19.164	UBND xã Phước Thái	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1352	H19.165	UBND xã Long Phước	Công khai, minh bạch	18	18
1353	H19.165	UBND xã Long Phước	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1354	H19.165	UBND xã Long Phước	Tiến độ giải quyết	20	17,89
1355	H19.165	UBND xã Long Phước	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	17,89
1356	H19.165	UBND xã Long Phước	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1357	H19.165	UBND xã Long Phước	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1358	H19.165	UBND xã Long Phước	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1359	H19.165	UBND xã Long Phước	Thanh toán trực tuyến	10	8,61
1360	H19.165	UBND xã Long Phước	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1361	H19.165	UBND xã Long Phước	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1362	H19.165	UBND xã Long Phước	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	4,61
1363	H19.165	UBND xã Long Phước	Mức độ hài lòng	18	17,96
1364	H19.165	UBND xã Long Phước	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1365	H19.165	UBND xã Long Phước	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1366	H19.165	UBND xã Long Phước	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	5,96
1367	H19.165	UBND xã Long Phước	Số hóa hồ sơ	22	21,56
1368	H19.165	UBND xã Long Phước	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,65
1369	H19.165	UBND xã Long Phước	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1370	H19.165	UBND xã Long Phước	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1371	H19.165	UBND xã Long Phước	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1372	H19.165	UBND xã Long Phước	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	4
1373	H19.165	UBND xã Long Phước	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,91
1374	H19.165	UBND xã Long Phước	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1375	H19.166	UBND xã Bình An	Công khai, minh bạch	18	18
1376	H19.166	UBND xã Bình An	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1377	H19.166	UBND xã Bình An	Tiến độ giải quyết	20	19,7
1378	H19.166	UBND xã Bình An	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,7
1379	H19.166	UBND xã Bình An	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1380	H19.166	UBND xã Bình An	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1381	H19.166	UBND xã Bình An	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1382	H19.166	UBND xã Bình An	Thanh toán trực tuyến	10	8,37
1383	H19.166	UBND xã Bình An	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1384	H19.166	UBND xã Bình An	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1385	H19.166	UBND xã Bình An	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	4,37
1386	H19.166	UBND xã Bình An	Mức độ hài lòng	18	18
1387	H19.166	UBND xã Bình An	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1388	H19.166	UBND xã Bình An	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1389	H19.166	UBND xã Bình An	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1390	H19.166	UBND xã Bình An	Số hóa hồ sơ	22	20,64
1391	H19.166	UBND xã Bình An	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,87
1392	H19.166	UBND xã Bình An	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1393	H19.166	UBND xã Bình An	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1394	H19.166	UBND xã Bình An	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1395	H19.166	UBND xã Bình An	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,87
1396	H19.166	UBND xã Bình An	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,9
1397	H19.166	UBND xã Bình An	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1398	H19.167	UBND xã Long Thành	Công khai, minh bạch	18	18
1399	H19.167	UBND xã Long Thành	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1400	H19.167	UBND xã Long Thành	Tiến độ giải quyết	20	19,33
1401	H19.167	UBND xã Long Thành	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,33
1402	H19.167	UBND xã Long Thành	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1403	H19.167	UBND xã Long Thành	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1404	H19.167	UBND xã Long Thành	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1405	H19.167	UBND xã Long Thành	Thanh toán trực tuyến	10	8,44
1406	H19.167	UBND xã Long Thành	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1407	H19.167	UBND xã Long Thành	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1408	H19.167	UBND xã Long Thành	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	4,44
1409	H19.167	UBND xã Long Thành	Mức độ hài lòng	18	18
1410	H19.167	UBND xã Long Thành	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1411	H19.167	UBND xã Long Thành	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1412	H19.167	UBND xã Long Thành	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1413	H19.167	UBND xã Long Thành	Số hóa hồ sơ	22	20,69
1414	H19.167	UBND xã Long Thành	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,88

1415	H19.167	UBND xã Long Thành	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1416	H19.167	UBND xã Long Thành	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1417	H19.167	UBND xã Long Thành	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1418	H19.167	UBND xã Long Thành	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,96
1419	H19.167	UBND xã Long Thành	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,85
1420	H19.167	UBND xã Long Thành	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1421	H19.168	UBND xã An Phước	Công khai, minh bạch	18	18
1422	H19.168	UBND xã An Phước	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1423	H19.168	UBND xã An Phước	Tiến độ giải quyết	20	19,38
1424	H19.168	UBND xã An Phước	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,38
1425	H19.168	UBND xã An Phước	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1426	H19.168	UBND xã An Phước	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1427	H19.168	UBND xã An Phước	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1428	H19.168	UBND xã An Phước	Thanh toán trực tuyến	10	7,99
1429	H19.168	UBND xã An Phước	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1430	H19.168	UBND xã An Phước	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1431	H19.168	UBND xã An Phước	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	3,99
1432	H19.168	UBND xã An Phước	Mức độ hài lòng	18	18
1433	H19.168	UBND xã An Phước	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1434	H19.168	UBND xã An Phước	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1435	H19.168	UBND xã An Phước	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1436	H19.168	UBND xã An Phước	Số hóa hồ sơ	22	20,81
1437	H19.168	UBND xã An Phước	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,61
1438	H19.168	UBND xã An Phước	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1439	H19.168	UBND xã An Phước	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1440	H19.168	UBND xã An Phước	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1441	H19.168	UBND xã An Phước	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,97
1442	H19.168	UBND xã An Phước	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,23
1443	H19.168	UBND xã An Phước	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1444	H19.169	UBND xã An Viễn	Công khai, minh bạch	18	18
1445	H19.169	UBND xã An Viễn	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1446	H19.169	UBND xã An Viễn	Tiến độ giải quyết	20	18,99
1447	H19.169	UBND xã An Viễn	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	18,99
1448	H19.169	UBND xã An Viễn	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1449	H19.169	UBND xã An Viễn	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1450	H19.169	UBND xã An Viễn	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1451	H19.169	UBND xã An Viễn	Thanh toán trực tuyến	10	10
1452	H19.169	UBND xã An Viễn	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1453	H19.169	UBND xã An Viễn	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1454	H19.169	UBND xã An Viễn	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1455	H19.169	UBND xã An Viễn	Mức độ hài lòng	18	18
1456	H19.169	UBND xã An Viễn	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1457	H19.169	UBND xã An Viễn	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1458	H19.169	UBND xã An Viễn	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1459	H19.169	UBND xã An Viễn	Số hóa hồ sơ	22	21,08
1460	H19.169	UBND xã An Viễn	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,93
1461	H19.169	UBND xã An Viễn	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1462	H19.169	UBND xã An Viễn	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1463	H19.169	UBND xã An Viễn	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1464	H19.169	UBND xã An Viễn	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,99
1465	H19.169	UBND xã An Viễn	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,16
1466	H19.169	UBND xã An Viễn	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1467	H19.170	UBND Xã Bình Minh	Công khai, minh bạch	18	18
1468	H19.170	UBND Xã Bình Minh	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1469	H19.170	UBND Xã Bình Minh	Tiến độ giải quyết	20	19,86
1470	H19.170	UBND Xã Bình Minh	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,86
1471	H19.170	UBND Xã Bình Minh	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1472	H19.170	UBND Xã Bình Minh	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1473	H19.170	UBND Xã Bình Minh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1474	H19.170	UBND Xã Bình Minh	Thanh toán trực tuyến	10	8,61
1475	H19.170	UBND Xã Bình Minh	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1476	H19.170	UBND Xã Bình Minh	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1477	H19.170	UBND Xã Bình Minh	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	4,61
1478	H19.170	UBND Xã Bình Minh	Mức độ hài lòng	18	18
1479	H19.170	UBND Xã Bình Minh	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1480	H19.170	UBND Xã Bình Minh	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1481	H19.170	UBND Xã Bình Minh	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1482	H19.170	UBND Xã Bình Minh	Số hóa hồ sơ	22	21,71
1483	H19.170	UBND Xã Bình Minh	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,98
1484	H19.170	UBND Xã Bình Minh	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1485	H19.170	UBND Xã Bình Minh	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2

1486	H19.170	UBND Xã Bình Minh	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1487	H19.170	UBND Xã Bình Minh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,99
1488	H19.170	UBND Xã Bình Minh	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,74
1489	H19.170	UBND Xã Bình Minh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1490	H19.171	UBND xã Trảng Bom	Công khai, minh bạch	18	18
1491	H19.171	UBND xã Trảng Bom	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1492	H19.171	UBND xã Trảng Bom	Tiến độ giải quyết	20	19,57
1493	H19.171	UBND xã Trảng Bom	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,57
1494	H19.171	UBND xã Trảng Bom	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1495	H19.171	UBND xã Trảng Bom	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1496	H19.171	UBND xã Trảng Bom	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1497	H19.171	UBND xã Trảng Bom	Thanh toán trực tuyến	10	10
1498	H19.171	UBND xã Trảng Bom	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1499	H19.171	UBND xã Trảng Bom	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1500	H19.171	UBND xã Trảng Bom	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1501	H19.171	UBND xã Trảng Bom	Mức độ hài lòng	18	18
1502	H19.171	UBND xã Trảng Bom	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1503	H19.171	UBND xã Trảng Bom	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1504	H19.171	UBND xã Trảng Bom	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1505	H19.171	UBND xã Trảng Bom	Số hóa hồ sơ	22	20,54
1506	H19.171	UBND xã Trảng Bom	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,97
1507	H19.171	UBND xã Trảng Bom	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1508	H19.171	UBND xã Trảng Bom	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1509	H19.171	UBND xã Trảng Bom	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1510	H19.171	UBND xã Trảng Bom	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,97
1511	H19.171	UBND xã Trảng Bom	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,6
1512	H19.171	UBND xã Trảng Bom	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1513	H19.172	UBND xã Bàu Hàm	Công khai, minh bạch	18	18
1514	H19.172	UBND xã Bàu Hàm	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1515	H19.172	UBND xã Bàu Hàm	Tiến độ giải quyết	20	19,33
1516	H19.172	UBND xã Bàu Hàm	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,33
1517	H19.172	UBND xã Bàu Hàm	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1518	H19.172	UBND xã Bàu Hàm	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1519	H19.172	UBND xã Bàu Hàm	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1520	H19.172	UBND xã Bàu Hàm	Thanh toán trực tuyến	10	10
1521	H19.172	UBND xã Bàu Hàm	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1522	H19.172	UBND xã Bàu Hàm	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1523	H19.172	UBND xã Bàu Hàm	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1524	H19.172	UBND xã Bàu Hàm	Mức độ hài lòng	18	18
1525	H19.172	UBND xã Bàu Hàm	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1526	H19.172	UBND xã Bàu Hàm	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1527	H19.172	UBND xã Bàu Hàm	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1528	H19.172	UBND xã Bàu Hàm	Số hóa hồ sơ	22	20,86
1529	H19.172	UBND xã Bàu Hàm	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,65
1530	H19.172	UBND xã Bàu Hàm	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1531	H19.172	UBND xã Bàu Hàm	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1532	H19.172	UBND xã Bàu Hàm	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1533	H19.172	UBND xã Bàu Hàm	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,79
1534	H19.172	UBND xã Bàu Hàm	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,42
1535	H19.172	UBND xã Bàu Hàm	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1536	H19.173	UBND xã Hưng Thịnh	Công khai, minh bạch	18	18
1537	H19.173	UBND xã Hưng Thịnh	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1538	H19.173	UBND xã Hưng Thịnh	Tiến độ giải quyết	20	19,89
1539	H19.173	UBND xã Hưng Thịnh	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,89
1540	H19.173	UBND xã Hưng Thịnh	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1541	H19.173	UBND xã Hưng Thịnh	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1542	H19.173	UBND xã Hưng Thịnh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1543	H19.173	UBND xã Hưng Thịnh	Thanh toán trực tuyến	10	10
1544	H19.173	UBND xã Hưng Thịnh	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1545	H19.173	UBND xã Hưng Thịnh	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1546	H19.173	UBND xã Hưng Thịnh	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1547	H19.173	UBND xã Hưng Thịnh	Mức độ hài lòng	18	18
1548	H19.173	UBND xã Hưng Thịnh	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1549	H19.173	UBND xã Hưng Thịnh	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1550	H19.173	UBND xã Hưng Thịnh	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1551	H19.173	UBND xã Hưng Thịnh	Số hóa hồ sơ	22	20,92
1552	H19.173	UBND xã Hưng Thịnh	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,92
1553	H19.173	UBND xã Hưng Thịnh	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1554	H19.173	UBND xã Hưng Thịnh	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1555	H19.173	UBND xã Hưng Thịnh	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1556	H19.173	UBND xã Hưng Thịnh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,92

1557	H19.173	UBND xã Hưng Thịnh	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,08
1558	H19.173	UBND xã Hưng Thịnh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1559	H19.174	UBND xã Dầu Giây	Công khai, minh bạch	18	18
1560	H19.174	UBND xã Dầu Giây	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1561	H19.174	UBND xã Dầu Giây	Tiến độ giải quyết	20	19,69
1562	H19.174	UBND xã Dầu Giây	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,69
1563	H19.174	UBND xã Dầu Giây	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1564	H19.174	UBND xã Dầu Giây	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1565	H19.174	UBND xã Dầu Giây	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1566	H19.174	UBND xã Dầu Giây	Thanh toán trực tuyến	10	10
1567	H19.174	UBND xã Dầu Giây	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1568	H19.174	UBND xã Dầu Giây	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1569	H19.174	UBND xã Dầu Giây	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1570	H19.174	UBND xã Dầu Giây	Mức độ hài lòng	18	18
1571	H19.174	UBND xã Dầu Giây	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1572	H19.174	UBND xã Dầu Giây	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1573	H19.174	UBND xã Dầu Giây	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1574	H19.174	UBND xã Dầu Giây	Số hóa hồ sơ	22	20,86
1575	H19.174	UBND xã Dầu Giây	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,97
1576	H19.174	UBND xã Dầu Giây	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1577	H19.174	UBND xã Dầu Giây	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1578	H19.174	UBND xã Dầu Giây	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1579	H19.174	UBND xã Dầu Giây	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,99
1580	H19.174	UBND xã Dầu Giây	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,9
1581	H19.174	UBND xã Dầu Giây	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1582	H19.175	UBND xã Gia Kiệm	Công khai, minh bạch	18	18
1583	H19.175	UBND xã Gia Kiệm	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1584	H19.175	UBND xã Gia Kiệm	Tiến độ giải quyết	20	19,17
1585	H19.175	UBND xã Gia Kiệm	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,17
1586	H19.175	UBND xã Gia Kiệm	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1587	H19.175	UBND xã Gia Kiệm	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1588	H19.175	UBND xã Gia Kiệm	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1589	H19.175	UBND xã Gia Kiệm	Thanh toán trực tuyến	10	10
1590	H19.175	UBND xã Gia Kiệm	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1591	H19.175	UBND xã Gia Kiệm	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1592	H19.175	UBND xã Gia Kiệm	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1593	H19.175	UBND xã Gia Kiệm	Mức độ hài lòng	18	18
1594	H19.175	UBND xã Gia Kiệm	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1595	H19.175	UBND xã Gia Kiệm	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1596	H19.175	UBND xã Gia Kiệm	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1597	H19.175	UBND xã Gia Kiệm	Số hóa hồ sơ	22	20,35
1598	H19.175	UBND xã Gia Kiệm	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,81
1599	H19.175	UBND xã Gia Kiệm	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1600	H19.175	UBND xã Gia Kiệm	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1601	H19.175	UBND xã Gia Kiệm	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1602	H19.175	UBND xã Gia Kiệm	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,98
1603	H19.175	UBND xã Gia Kiệm	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,56
1604	H19.175	UBND xã Gia Kiệm	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1605	H19.176	UBND xã Thống Nhất	Công khai, minh bạch	18	18
1606	H19.176	UBND xã Thống Nhất	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1607	H19.176	UBND xã Thống Nhất	Tiến độ giải quyết	20	19,56
1608	H19.176	UBND xã Thống Nhất	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,56
1609	H19.176	UBND xã Thống Nhất	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1610	H19.176	UBND xã Thống Nhất	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1611	H19.176	UBND xã Thống Nhất	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1612	H19.176	UBND xã Thống Nhất	Thanh toán trực tuyến	10	10
1613	H19.176	UBND xã Thống Nhất	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1614	H19.176	UBND xã Thống Nhất	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1615	H19.176	UBND xã Thống Nhất	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1616	H19.176	UBND xã Thống Nhất	Mức độ hài lòng	18	18
1617	H19.176	UBND xã Thống Nhất	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1618	H19.176	UBND xã Thống Nhất	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1619	H19.176	UBND xã Thống Nhất	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1620	H19.176	UBND xã Thống Nhất	Số hóa hồ sơ	22	20,33
1621	H19.176	UBND xã Thống Nhất	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,85
1622	H19.176	UBND xã Thống Nhất	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1623	H19.176	UBND xã Thống Nhất	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1624	H19.176	UBND xã Thống Nhất	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1625	H19.176	UBND xã Thống Nhất	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,98
1626	H19.176	UBND xã Thống Nhất	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,5
1627	H19.176	UBND xã Thống Nhất	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2

1628	H19.177	UBND phường Bình Lộc	Công khai, minh bạch	18	18
1629	H19.177	UBND phường Bình Lộc	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1630	H19.177	UBND phường Bình Lộc	Tiến độ giải quyết	20	19,24
1631	H19.177	UBND phường Bình Lộc	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,24
1632	H19.177	UBND phường Bình Lộc	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1633	H19.177	UBND phường Bình Lộc	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1634	H19.177	UBND phường Bình Lộc	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1635	H19.177	UBND phường Bình Lộc	Thanh toán trực tuyến	10	10
1636	H19.177	UBND phường Bình Lộc	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1637	H19.177	UBND phường Bình Lộc	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1638	H19.177	UBND phường Bình Lộc	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1639	H19.177	UBND phường Bình Lộc	Mức độ hài lòng	18	18
1640	H19.177	UBND phường Bình Lộc	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1641	H19.177	UBND phường Bình Lộc	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1642	H19.177	UBND phường Bình Lộc	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1643	H19.177	UBND phường Bình Lộc	Số hóa hồ sơ	22	21,02
1644	H19.177	UBND phường Bình Lộc	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,49
1645	H19.177	UBND phường Bình Lộc	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1646	H19.177	UBND phường Bình Lộc	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1647	H19.177	UBND phường Bình Lộc	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1648	H19.177	UBND phường Bình Lộc	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	3,9
1649	H19.177	UBND phường Bình Lộc	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,63
1650	H19.177	UBND phường Bình Lộc	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1651	H19.178	UBND phường Bảo Vinh	Công khai, minh bạch	18	18
1652	H19.178	UBND phường Bảo Vinh	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1653	H19.178	UBND phường Bảo Vinh	Tiến độ giải quyết	20	19,52
1654	H19.178	UBND phường Bảo Vinh	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,52
1655	H19.178	UBND phường Bảo Vinh	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1656	H19.178	UBND phường Bảo Vinh	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1657	H19.178	UBND phường Bảo Vinh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1658	H19.178	UBND phường Bảo Vinh	Thanh toán trực tuyến	10	8,58
1659	H19.178	UBND phường Bảo Vinh	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1660	H19.178	UBND phường Bảo Vinh	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1661	H19.178	UBND phường Bảo Vinh	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	4,58
1662	H19.178	UBND phường Bảo Vinh	Mức độ hài lòng	18	18
1663	H19.178	UBND phường Bảo Vinh	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1664	H19.178	UBND phường Bảo Vinh	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1665	H19.178	UBND phường Bảo Vinh	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1666	H19.178	UBND phường Bảo Vinh	Số hóa hồ sơ	22	21,32
1667	H19.178	UBND phường Bảo Vinh	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,85
1668	H19.178	UBND phường Bảo Vinh	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1669	H19.178	UBND phường Bảo Vinh	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1670	H19.178	UBND phường Bảo Vinh	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1671	H19.178	UBND phường Bảo Vinh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	3,75
1672	H19.178	UBND phường Bảo Vinh	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,72
1673	H19.178	UBND phường Bảo Vinh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1674	H19.179	UBND phường Xuân Lập	Công khai, minh bạch	18	18
1675	H19.179	UBND phường Xuân Lập	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1676	H19.179	UBND phường Xuân Lập	Tiến độ giải quyết	20	19,76
1677	H19.179	UBND phường Xuân Lập	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,76
1678	H19.179	UBND phường Xuân Lập	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1679	H19.179	UBND phường Xuân Lập	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1680	H19.179	UBND phường Xuân Lập	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1681	H19.179	UBND phường Xuân Lập	Thanh toán trực tuyến	10	10
1682	H19.179	UBND phường Xuân Lập	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1683	H19.179	UBND phường Xuân Lập	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1684	H19.179	UBND phường Xuân Lập	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1685	H19.179	UBND phường Xuân Lập	Mức độ hài lòng	18	18
1686	H19.179	UBND phường Xuân Lập	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1687	H19.179	UBND phường Xuân Lập	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1688	H19.179	UBND phường Xuân Lập	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1689	H19.179	UBND phường Xuân Lập	Số hóa hồ sơ	22	21,66
1690	H19.179	UBND phường Xuân Lập	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,72
1691	H19.179	UBND phường Xuân Lập	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1692	H19.179	UBND phường Xuân Lập	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1693	H19.179	UBND phường Xuân Lập	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1694	H19.179	UBND phường Xuân Lập	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	4
1695	H19.179	UBND phường Xuân Lập	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,94
1696	H19.179	UBND phường Xuân Lập	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1697	H19.18	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Công khai, minh bạch	18	18
1698	H19.18	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18

1699	H19.18	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Tiến độ giải quyết	20	19,61
1700	H19.18	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,61
1701	H19.18	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1702	H19.18	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1703	H19.18	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1704	H19.18	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Thanh toán trực tuyến	10	7,05
1705	H19.18	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1706	H19.18	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1707	H19.18	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	3,05
1708	H19.18	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Mức độ hài lòng	18	18
1709	H19.18	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1710	H19.18	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1711	H19.18	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1712	H19.18	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Số hóa hồ sơ	22	18,91
1713	H19.18	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,96
1714	H19.18	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1715	H19.18	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1716	H19.18	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	4
1717	H19.18	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,95
1718	H19.18	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1719	H19.180	UBND phường Long Khánh	Công khai, minh bạch	18	18
1720	H19.180	UBND phường Long Khánh	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1721	H19.180	UBND phường Long Khánh	Tiến độ giải quyết	20	19,44
1722	H19.180	UBND phường Long Khánh	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,44
1723	H19.180	UBND phường Long Khánh	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1724	H19.180	UBND phường Long Khánh	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1725	H19.180	UBND phường Long Khánh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1726	H19.180	UBND phường Long Khánh	Thanh toán trực tuyến	10	7,89
1727	H19.180	UBND phường Long Khánh	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1728	H19.180	UBND phường Long Khánh	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1729	H19.180	UBND phường Long Khánh	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	3,89
1730	H19.180	UBND phường Long Khánh	Mức độ hài lòng	18	18
1731	H19.180	UBND phường Long Khánh	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1732	H19.180	UBND phường Long Khánh	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1733	H19.180	UBND phường Long Khánh	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1734	H19.180	UBND phường Long Khánh	Số hóa hồ sơ	22	20,22
1735	H19.180	UBND phường Long Khánh	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,93
1736	H19.180	UBND phường Long Khánh	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1737	H19.180	UBND phường Long Khánh	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1738	H19.180	UBND phường Long Khánh	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1739	H19.180	UBND phường Long Khánh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	3,8
1740	H19.180	UBND phường Long Khánh	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,49
1741	H19.180	UBND phường Long Khánh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1742	H19.181	UBND phường Hàng Gòn	Công khai, minh bạch	18	18
1743	H19.181	UBND phường Hàng Gòn	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1744	H19.181	UBND phường Hàng Gòn	Tiến độ giải quyết	20	19,63
1745	H19.181	UBND phường Hàng Gòn	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,63
1746	H19.181	UBND phường Hàng Gòn	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1747	H19.181	UBND phường Hàng Gòn	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1748	H19.181	UBND phường Hàng Gòn	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1749	H19.181	UBND phường Hàng Gòn	Thanh toán trực tuyến	10	10
1750	H19.181	UBND phường Hàng Gòn	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1751	H19.181	UBND phường Hàng Gòn	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1752	H19.181	UBND phường Hàng Gòn	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1753	H19.181	UBND phường Hàng Gòn	Mức độ hài lòng	18	18
1754	H19.181	UBND phường Hàng Gòn	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1755	H19.181	UBND phường Hàng Gòn	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1756	H19.181	UBND phường Hàng Gòn	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1757	H19.181	UBND phường Hàng Gòn	Số hóa hồ sơ	22	20,87
1758	H19.181	UBND phường Hàng Gòn	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,96
1759	H19.181	UBND phường Hàng Gòn	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1760	H19.181	UBND phường Hàng Gòn	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1761	H19.181	UBND phường Hàng Gòn	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1762	H19.181	UBND phường Hàng Gòn	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	4
1763	H19.181	UBND phường Hàng Gòn	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,91
1764	H19.181	UBND phường Hàng Gòn	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1765	H19.182	UBND xã Xuân Quế	Công khai, minh bạch	18	18
1766	H19.182	UBND xã Xuân Quế	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1767	H19.182	UBND xã Xuân Quế	Tiến độ giải quyết	20	18,86
1768	H19.182	UBND xã Xuân Quế	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	18,86
1769	H19.182	UBND xã Xuân Quế	Dịch vụ công trực tuyến	12	10

1770	H19.182	UBND xã Xuân Quế	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1771	H19.182	UBND xã Xuân Quế	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1772	H19.182	UBND xã Xuân Quế	Thanh toán trực tuyến	10	8,59
1773	H19.182	UBND xã Xuân Quế	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1774	H19.182	UBND xã Xuân Quế	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1775	H19.182	UBND xã Xuân Quế	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	4,59
1776	H19.182	UBND xã Xuân Quế	Mức độ hài lòng	18	18
1777	H19.182	UBND xã Xuân Quế	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1778	H19.182	UBND xã Xuân Quế	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1779	H19.182	UBND xã Xuân Quế	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1780	H19.182	UBND xã Xuân Quế	Số hóa hồ sơ	22	21,31
1781	H19.182	UBND xã Xuân Quế	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,9
1782	H19.182	UBND xã Xuân Quế	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1783	H19.182	UBND xã Xuân Quế	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1784	H19.182	UBND xã Xuân Quế	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1785	H19.182	UBND xã Xuân Quế	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,91
1786	H19.182	UBND xã Xuân Quế	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,5
1787	H19.182	UBND xã Xuân Quế	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1788	H19.183	UBND xã Xuân Đường	Công khai, minh bạch	18	18
1789	H19.183	UBND xã Xuân Đường	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1790	H19.183	UBND xã Xuân Đường	Tiến độ giải quyết	20	18,95
1791	H19.183	UBND xã Xuân Đường	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	18,95
1792	H19.183	UBND xã Xuân Đường	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1793	H19.183	UBND xã Xuân Đường	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1794	H19.183	UBND xã Xuân Đường	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1795	H19.183	UBND xã Xuân Đường	Thanh toán trực tuyến	10	10
1796	H19.183	UBND xã Xuân Đường	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1797	H19.183	UBND xã Xuân Đường	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1798	H19.183	UBND xã Xuân Đường	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1799	H19.183	UBND xã Xuân Đường	Mức độ hài lòng	18	18
1800	H19.183	UBND xã Xuân Đường	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1801	H19.183	UBND xã Xuân Đường	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1802	H19.183	UBND xã Xuân Đường	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1803	H19.183	UBND xã Xuân Đường	Số hóa hồ sơ	22	20,93
1804	H19.183	UBND xã Xuân Đường	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,85
1805	H19.183	UBND xã Xuân Đường	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1806	H19.183	UBND xã Xuân Đường	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1807	H19.183	UBND xã Xuân Đường	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1808	H19.183	UBND xã Xuân Đường	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,98
1809	H19.183	UBND xã Xuân Đường	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,1
1810	H19.183	UBND xã Xuân Đường	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1811	H19.184	UBND xã Cẩm Mỹ	Công khai, minh bạch	18	18
1812	H19.184	UBND xã Cẩm Mỹ	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1813	H19.184	UBND xã Cẩm Mỹ	Tiến độ giải quyết	20	19,83
1814	H19.184	UBND xã Cẩm Mỹ	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,83
1815	H19.184	UBND xã Cẩm Mỹ	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1816	H19.184	UBND xã Cẩm Mỹ	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1817	H19.184	UBND xã Cẩm Mỹ	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1818	H19.184	UBND xã Cẩm Mỹ	Thanh toán trực tuyến	10	10
1819	H19.184	UBND xã Cẩm Mỹ	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1820	H19.184	UBND xã Cẩm Mỹ	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1821	H19.184	UBND xã Cẩm Mỹ	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1822	H19.184	UBND xã Cẩm Mỹ	Mức độ hài lòng	18	18
1823	H19.184	UBND xã Cẩm Mỹ	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1824	H19.184	UBND xã Cẩm Mỹ	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1825	H19.184	UBND xã Cẩm Mỹ	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1826	H19.184	UBND xã Cẩm Mỹ	Số hóa hồ sơ	22	20,81
1827	H19.184	UBND xã Cẩm Mỹ	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,94
1828	H19.184	UBND xã Cẩm Mỹ	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1829	H19.184	UBND xã Cẩm Mỹ	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1830	H19.184	UBND xã Cẩm Mỹ	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1831	H19.184	UBND xã Cẩm Mỹ	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,94
1832	H19.184	UBND xã Cẩm Mỹ	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,93
1833	H19.184	UBND xã Cẩm Mỹ	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1834	H19.185	UBND xã Sông Ray	Công khai, minh bạch	18	18
1835	H19.185	UBND xã Sông Ray	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1836	H19.185	UBND xã Sông Ray	Tiến độ giải quyết	20	19,68
1837	H19.185	UBND xã Sông Ray	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,68
1838	H19.185	UBND xã Sông Ray	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1839	H19.185	UBND xã Sông Ray	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1840	H19.185	UBND xã Sông Ray	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6

1841	H19.185	UBND xã Sông Ray	Thanh toán trực tuyến	10	8,46
1842	H19.185	UBND xã Sông Ray	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1843	H19.185	UBND xã Sông Ray	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1844	H19.185	UBND xã Sông Ray	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	4,46
1845	H19.185	UBND xã Sông Ray	Mức độ hài lòng	18	18
1846	H19.185	UBND xã Sông Ray	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1847	H19.185	UBND xã Sông Ray	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1848	H19.185	UBND xã Sông Ray	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1849	H19.185	UBND xã Sông Ray	Số hóa hồ sơ	22	21,5
1850	H19.185	UBND xã Sông Ray	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,78
1851	H19.185	UBND xã Sông Ray	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1852	H19.185	UBND xã Sông Ray	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1853	H19.185	UBND xã Sông Ray	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1854	H19.185	UBND xã Sông Ray	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	3,98
1855	H19.185	UBND xã Sông Ray	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,74
1856	H19.185	UBND xã Sông Ray	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1857	H19.186	UBND xã Xuân Đông	Công khai, minh bạch	18	18
1858	H19.186	UBND xã Xuân Đông	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1859	H19.186	UBND xã Xuân Đông	Tiến độ giải quyết	20	19,67
1860	H19.186	UBND xã Xuân Đông	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,67
1861	H19.186	UBND xã Xuân Đông	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1862	H19.186	UBND xã Xuân Đông	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1863	H19.186	UBND xã Xuân Đông	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1864	H19.186	UBND xã Xuân Đông	Thanh toán trực tuyến	10	10
1865	H19.186	UBND xã Xuân Đông	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1866	H19.186	UBND xã Xuân Đông	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1867	H19.186	UBND xã Xuân Đông	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1868	H19.186	UBND xã Xuân Đông	Mức độ hài lòng	18	18
1869	H19.186	UBND xã Xuân Đông	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1870	H19.186	UBND xã Xuân Đông	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1871	H19.186	UBND xã Xuân Đông	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1872	H19.186	UBND xã Xuân Đông	Số hóa hồ sơ	22	21,52
1873	H19.186	UBND xã Xuân Đông	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,81
1874	H19.186	UBND xã Xuân Đông	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1875	H19.186	UBND xã Xuân Đông	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1876	H19.186	UBND xã Xuân Đông	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1877	H19.186	UBND xã Xuân Đông	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	3,97
1878	H19.186	UBND xã Xuân Đông	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,74
1879	H19.186	UBND xã Xuân Đông	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1880	H19.187	UBND xã Xuân Định	Công khai, minh bạch	18	18
1881	H19.187	UBND xã Xuân Định	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1882	H19.187	UBND xã Xuân Định	Tiến độ giải quyết	20	18,9
1883	H19.187	UBND xã Xuân Định	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	18,9
1884	H19.187	UBND xã Xuân Định	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1885	H19.187	UBND xã Xuân Định	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1886	H19.187	UBND xã Xuân Định	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1887	H19.187	UBND xã Xuân Định	Thanh toán trực tuyến	10	10
1888	H19.187	UBND xã Xuân Định	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1889	H19.187	UBND xã Xuân Định	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1890	H19.187	UBND xã Xuân Định	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1891	H19.187	UBND xã Xuân Định	Mức độ hài lòng	18	18
1892	H19.187	UBND xã Xuân Định	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1893	H19.187	UBND xã Xuân Định	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1894	H19.187	UBND xã Xuân Định	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1895	H19.187	UBND xã Xuân Định	Số hóa hồ sơ	22	21,31
1896	H19.187	UBND xã Xuân Định	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,58
1897	H19.187	UBND xã Xuân Định	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1898	H19.187	UBND xã Xuân Định	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1899	H19.187	UBND xã Xuân Định	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1900	H19.187	UBND xã Xuân Định	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	3,98
1901	H19.187	UBND xã Xuân Định	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,75
1902	H19.187	UBND xã Xuân Định	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1903	H19.188	UBND xã Xuân Phú	Công khai, minh bạch	18	18
1904	H19.188	UBND xã Xuân Phú	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1905	H19.188	UBND xã Xuân Phú	Tiến độ giải quyết	20	19,57
1906	H19.188	UBND xã Xuân Phú	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,57
1907	H19.188	UBND xã Xuân Phú	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1908	H19.188	UBND xã Xuân Phú	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1909	H19.188	UBND xã Xuân Phú	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1910	H19.188	UBND xã Xuân Phú	Thanh toán trực tuyến	10	10
1911	H19.188	UBND xã Xuân Phú	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2

1912	H19.188	UBND xã Xuân Phú	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1913	H19.188	UBND xã Xuân Phú	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
1914	H19.188	UBND xã Xuân Phú	Mức độ hài lòng	18	18
1915	H19.188	UBND xã Xuân Phú	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1916	H19.188	UBND xã Xuân Phú	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1917	H19.188	UBND xã Xuân Phú	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1918	H19.188	UBND xã Xuân Phú	Số hóa hồ sơ	22	21,6
1919	H19.188	UBND xã Xuân Phú	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,78
1920	H19.188	UBND xã Xuân Phú	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1921	H19.188	UBND xã Xuân Phú	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1922	H19.188	UBND xã Xuân Phú	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1923	H19.188	UBND xã Xuân Phú	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,99
1924	H19.188	UBND xã Xuân Phú	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,83
1925	H19.188	UBND xã Xuân Phú	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1926	H19.189	UBND xã Xuân Lộc	Công khai, minh bạch	18	18
1927	H19.189	UBND xã Xuân Lộc	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1928	H19.189	UBND xã Xuân Lộc	Tiến độ giải quyết	20	15,91
1929	H19.189	UBND xã Xuân Lộc	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	15,91
1930	H19.189	UBND xã Xuân Lộc	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1931	H19.189	UBND xã Xuân Lộc	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1932	H19.189	UBND xã Xuân Lộc	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1933	H19.189	UBND xã Xuân Lộc	Thanh toán trực tuyến	10	8,27
1934	H19.189	UBND xã Xuân Lộc	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1935	H19.189	UBND xã Xuân Lộc	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1936	H19.189	UBND xã Xuân Lộc	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	4,27
1937	H19.189	UBND xã Xuân Lộc	Mức độ hài lòng	18	17,3
1938	H19.189	UBND xã Xuân Lộc	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1939	H19.189	UBND xã Xuân Lộc	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1940	H19.189	UBND xã Xuân Lộc	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	5,3
1941	H19.189	UBND xã Xuân Lộc	Số hóa hồ sơ	22	21,4
1942	H19.189	UBND xã Xuân Lộc	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,86
1943	H19.189	UBND xã Xuân Lộc	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1944	H19.189	UBND xã Xuân Lộc	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1945	H19.189	UBND xã Xuân Lộc	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1946	H19.189	UBND xã Xuân Lộc	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,96
1947	H19.189	UBND xã Xuân Lộc	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,58
1948	H19.189	UBND xã Xuân Lộc	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1949	H19.190	UBND xã Xuân Hòa	Công khai, minh bạch	18	18
1950	H19.190	UBND xã Xuân Hòa	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1951	H19.190	UBND xã Xuân Hòa	Tiến độ giải quyết	20	19,33
1952	H19.190	UBND xã Xuân Hòa	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,33
1953	H19.190	UBND xã Xuân Hòa	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1954	H19.190	UBND xã Xuân Hòa	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1955	H19.190	UBND xã Xuân Hòa	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1956	H19.190	UBND xã Xuân Hòa	Thanh toán trực tuyến	10	8,45
1957	H19.190	UBND xã Xuân Hòa	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1958	H19.190	UBND xã Xuân Hòa	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1959	H19.190	UBND xã Xuân Hòa	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	4,45
1960	H19.190	UBND xã Xuân Hòa	Mức độ hài lòng	18	18
1961	H19.190	UBND xã Xuân Hòa	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1962	H19.190	UBND xã Xuân Hòa	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1963	H19.190	UBND xã Xuân Hòa	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1964	H19.190	UBND xã Xuân Hòa	Số hóa hồ sơ	22	21,25
1965	H19.190	UBND xã Xuân Hòa	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,88
1966	H19.190	UBND xã Xuân Hòa	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1967	H19.190	UBND xã Xuân Hòa	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1968	H19.190	UBND xã Xuân Hòa	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1969	H19.190	UBND xã Xuân Hòa	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,79
1970	H19.190	UBND xã Xuân Hòa	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,58
1971	H19.190	UBND xã Xuân Hòa	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1972	H19.191	UBND xã Xuân Thành	Công khai, minh bạch	18	18
1973	H19.191	UBND xã Xuân Thành	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1974	H19.191	UBND xã Xuân Thành	Tiến độ giải quyết	20	19,91
1975	H19.191	UBND xã Xuân Thành	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,91
1976	H19.191	UBND xã Xuân Thành	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
1977	H19.191	UBND xã Xuân Thành	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
1978	H19.191	UBND xã Xuân Thành	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
1979	H19.191	UBND xã Xuân Thành	Thanh toán trực tuyến	10	10
1980	H19.191	UBND xã Xuân Thành	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
1981	H19.191	UBND xã Xuân Thành	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
1982	H19.191	UBND xã Xuân Thành	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6

1983	H19.191	UBND xã Xuân Thành	Mức độ hài lòng	18	18
1984	H19.191	UBND xã Xuân Thành	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
1985	H19.191	UBND xã Xuân Thành	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
1986	H19.191	UBND xã Xuân Thành	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
1987	H19.191	UBND xã Xuân Thành	Số hóa hồ sơ	22	21,44
1988	H19.191	UBND xã Xuân Thành	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,78
1989	H19.191	UBND xã Xuân Thành	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
1990	H19.191	UBND xã Xuân Thành	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
1991	H19.191	UBND xã Xuân Thành	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
1992	H19.191	UBND xã Xuân Thành	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,83
1993	H19.191	UBND xã Xuân Thành	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,83
1994	H19.191	UBND xã Xuân Thành	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
1995	H19.192	UBND xã Xuân Bắc	Công khai, minh bạch	18	18
1996	H19.192	UBND xã Xuân Bắc	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
1997	H19.192	UBND xã Xuân Bắc	Tiến độ giải quyết	20	18,96
1998	H19.192	UBND xã Xuân Bắc	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	18,96
1999	H19.192	UBND xã Xuân Bắc	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
2000	H19.192	UBND xã Xuân Bắc	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
2001	H19.192	UBND xã Xuân Bắc	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
2002	H19.192	UBND xã Xuân Bắc	Thanh toán trực tuyến	10	10
2003	H19.192	UBND xã Xuân Bắc	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
2004	H19.192	UBND xã Xuân Bắc	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
2005	H19.192	UBND xã Xuân Bắc	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
2006	H19.192	UBND xã Xuân Bắc	Mức độ hài lòng	18	18
2007	H19.192	UBND xã Xuân Bắc	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
2008	H19.192	UBND xã Xuân Bắc	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
2009	H19.192	UBND xã Xuân Bắc	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
2010	H19.192	UBND xã Xuân Bắc	Số hóa hồ sơ	22	21,39
2011	H19.192	UBND xã Xuân Bắc	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,78
2012	H19.192	UBND xã Xuân Bắc	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
2013	H19.192	UBND xã Xuân Bắc	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
2014	H19.192	UBND xã Xuân Bắc	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
2015	H19.192	UBND xã Xuân Bắc	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,83
2016	H19.192	UBND xã Xuân Bắc	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,78
2017	H19.192	UBND xã Xuân Bắc	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
2018	H19.193	UBND xã La Ngà	Công khai, minh bạch	18	18
2019	H19.193	UBND xã La Ngà	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
2020	H19.193	UBND xã La Ngà	Tiến độ giải quyết	20	19,98
2021	H19.193	UBND xã La Ngà	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,98
2022	H19.193	UBND xã La Ngà	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
2023	H19.193	UBND xã La Ngà	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
2024	H19.193	UBND xã La Ngà	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
2025	H19.193	UBND xã La Ngà	Thanh toán trực tuyến	10	10
2026	H19.193	UBND xã La Ngà	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
2027	H19.193	UBND xã La Ngà	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
2028	H19.193	UBND xã La Ngà	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
2029	H19.193	UBND xã La Ngà	Mức độ hài lòng	18	18
2030	H19.193	UBND xã La Ngà	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
2031	H19.193	UBND xã La Ngà	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
2032	H19.193	UBND xã La Ngà	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
2033	H19.193	UBND xã La Ngà	Số hóa hồ sơ	22	20,24
2034	H19.193	UBND xã La Ngà	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,8
2035	H19.193	UBND xã La Ngà	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
2036	H19.193	UBND xã La Ngà	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
2037	H19.193	UBND xã La Ngà	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
2038	H19.193	UBND xã La Ngà	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,74
2039	H19.193	UBND xã La Ngà	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,7
2040	H19.193	UBND xã La Ngà	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
2041	H19.194	UBND xã Định Quán	Công khai, minh bạch	18	18
2042	H19.194	UBND xã Định Quán	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
2043	H19.194	UBND xã Định Quán	Tiến độ giải quyết	20	19,79
2044	H19.194	UBND xã Định Quán	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,79
2045	H19.194	UBND xã Định Quán	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
2046	H19.194	UBND xã Định Quán	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
2047	H19.194	UBND xã Định Quán	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
2048	H19.194	UBND xã Định Quán	Thanh toán trực tuyến	10	10
2049	H19.194	UBND xã Định Quán	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
2050	H19.194	UBND xã Định Quán	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
2051	H19.194	UBND xã Định Quán	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
2052	H19.194	UBND xã Định Quán	Mức độ hài lòng	18	18
2053	H19.194	UBND xã Định Quán	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6

2054	H19.194	UBND xã Định Quán	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
2055	H19.194	UBND xã Định Quán	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
2056	H19.194	UBND xã Định Quán	Số hóa hồ sơ	22	21,17
2057	H19.194	UBND xã Định Quán	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,57
2058	H19.194	UBND xã Định Quán	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
2059	H19.194	UBND xã Định Quán	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
2060	H19.194	UBND xã Định Quán	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
2061	H19.194	UBND xã Định Quán	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,91
2062	H19.194	UBND xã Định Quán	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,69
2063	H19.194	UBND xã Định Quán	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
2064	H19.195	UBND xã Thanh Sơn	Công khai, minh bạch	18	18
2065	H19.195	UBND xã Thanh Sơn	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
2066	H19.195	UBND xã Thanh Sơn	Tiến độ giải quyết	20	18,58
2067	H19.195	UBND xã Thanh Sơn	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	18,58
2068	H19.195	UBND xã Thanh Sơn	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
2069	H19.195	UBND xã Thanh Sơn	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
2070	H19.195	UBND xã Thanh Sơn	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
2071	H19.195	UBND xã Thanh Sơn	Thanh toán trực tuyến	10	10
2072	H19.195	UBND xã Thanh Sơn	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
2073	H19.195	UBND xã Thanh Sơn	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
2074	H19.195	UBND xã Thanh Sơn	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
2075	H19.195	UBND xã Thanh Sơn	Mức độ hài lòng	18	18
2076	H19.195	UBND xã Thanh Sơn	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
2077	H19.195	UBND xã Thanh Sơn	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
2078	H19.195	UBND xã Thanh Sơn	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
2079	H19.195	UBND xã Thanh Sơn	Số hóa hồ sơ	22	20,99
2080	H19.195	UBND xã Thanh Sơn	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,24
2081	H19.195	UBND xã Thanh Sơn	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
2082	H19.195	UBND xã Thanh Sơn	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
2083	H19.195	UBND xã Thanh Sơn	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
2084	H19.195	UBND xã Thanh Sơn	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,93
2085	H19.195	UBND xã Thanh Sơn	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,82
2086	H19.195	UBND xã Thanh Sơn	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
2087	H19.196	UBND xã Phú Vinh	Công khai, minh bạch	18	18
2088	H19.196	UBND xã Phú Vinh	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
2089	H19.196	UBND xã Phú Vinh	Tiến độ giải quyết	20	19,86
2090	H19.196	UBND xã Phú Vinh	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,86
2091	H19.196	UBND xã Phú Vinh	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
2092	H19.196	UBND xã Phú Vinh	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
2093	H19.196	UBND xã Phú Vinh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
2094	H19.196	UBND xã Phú Vinh	Thanh toán trực tuyến	10	10
2095	H19.196	UBND xã Phú Vinh	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
2096	H19.196	UBND xã Phú Vinh	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
2097	H19.196	UBND xã Phú Vinh	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
2098	H19.196	UBND xã Phú Vinh	Mức độ hài lòng	18	18
2099	H19.196	UBND xã Phú Vinh	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
2100	H19.196	UBND xã Phú Vinh	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
2101	H19.196	UBND xã Phú Vinh	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
2102	H19.196	UBND xã Phú Vinh	Số hóa hồ sơ	22	21,16
2103	H19.196	UBND xã Phú Vinh	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,89
2104	H19.196	UBND xã Phú Vinh	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
2105	H19.196	UBND xã Phú Vinh	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
2106	H19.196	UBND xã Phú Vinh	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
2107	H19.196	UBND xã Phú Vinh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,99
2108	H19.196	UBND xã Phú Vinh	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,28
2109	H19.196	UBND xã Phú Vinh	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
2110	H19.197	UBND xã Phú Hòa	Công khai, minh bạch	18	18
2111	H19.197	UBND xã Phú Hòa	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
2112	H19.197	UBND xã Phú Hòa	Tiến độ giải quyết	20	19,78
2113	H19.197	UBND xã Phú Hòa	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,78
2114	H19.197	UBND xã Phú Hòa	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
2115	H19.197	UBND xã Phú Hòa	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
2116	H19.197	UBND xã Phú Hòa	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
2117	H19.197	UBND xã Phú Hòa	Thanh toán trực tuyến	10	10
2118	H19.197	UBND xã Phú Hòa	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
2119	H19.197	UBND xã Phú Hòa	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
2120	H19.197	UBND xã Phú Hòa	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
2121	H19.197	UBND xã Phú Hòa	Mức độ hài lòng	18	18
2122	H19.197	UBND xã Phú Hòa	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
2123	H19.197	UBND xã Phú Hòa	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
2124	H19.197	UBND xã Phú Hòa	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6

2125	H19.197	UBND xã Phú Hòa	Số hóa hồ sơ	22	21,45
2126	H19.197	UBND xã Phú Hòa	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,78
2127	H19.197	UBND xã Phú Hòa	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
2128	H19.197	UBND xã Phú Hòa	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
2129	H19.197	UBND xã Phú Hòa	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
2130	H19.197	UBND xã Phú Hòa	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,82
2131	H19.197	UBND xã Phú Hòa	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,85
2132	H19.197	UBND xã Phú Hòa	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
2133	H19.198	UBND xã Tà Lài	Công khai, minh bạch	18	18
2134	H19.198	UBND xã Tà Lài	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
2135	H19.198	UBND xã Tà Lài	Tiến độ giải quyết	20	19,76
2136	H19.198	UBND xã Tà Lài	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,76
2137	H19.198	UBND xã Tà Lài	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
2138	H19.198	UBND xã Tà Lài	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
2139	H19.198	UBND xã Tà Lài	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
2140	H19.198	UBND xã Tà Lài	Thanh toán trực tuyến	10	10
2141	H19.198	UBND xã Tà Lài	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
2142	H19.198	UBND xã Tà Lài	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
2143	H19.198	UBND xã Tà Lài	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
2144	H19.198	UBND xã Tà Lài	Mức độ hài lòng	18	18
2145	H19.198	UBND xã Tà Lài	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
2146	H19.198	UBND xã Tà Lài	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
2147	H19.198	UBND xã Tà Lài	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
2148	H19.198	UBND xã Tà Lài	Số hóa hồ sơ	22	20,93
2149	H19.198	UBND xã Tà Lài	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,77
2150	H19.198	UBND xã Tà Lài	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
2151	H19.198	UBND xã Tà Lài	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
2152	H19.198	UBND xã Tà Lài	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
2153	H19.198	UBND xã Tà Lài	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,67
2154	H19.198	UBND xã Tà Lài	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,49
2155	H19.198	UBND xã Tà Lài	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
2156	H19.199	UBND xã Nam Cát Tiên	Công khai, minh bạch	18	18
2157	H19.199	UBND xã Nam Cát Tiên	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
2158	H19.199	UBND xã Nam Cát Tiên	Tiến độ giải quyết	20	19,62
2159	H19.199	UBND xã Nam Cát Tiên	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,62
2160	H19.199	UBND xã Nam Cát Tiên	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
2161	H19.199	UBND xã Nam Cát Tiên	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
2162	H19.199	UBND xã Nam Cát Tiên	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
2163	H19.199	UBND xã Nam Cát Tiên	Thanh toán trực tuyến	10	10
2164	H19.199	UBND xã Nam Cát Tiên	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
2165	H19.199	UBND xã Nam Cát Tiên	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
2166	H19.199	UBND xã Nam Cát Tiên	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
2167	H19.199	UBND xã Nam Cát Tiên	Mức độ hài lòng	18	18
2168	H19.199	UBND xã Nam Cát Tiên	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
2169	H19.199	UBND xã Nam Cát Tiên	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
2170	H19.199	UBND xã Nam Cát Tiên	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
2171	H19.199	UBND xã Nam Cát Tiên	Số hóa hồ sơ	22	21,35
2172	H19.199	UBND xã Nam Cát Tiên	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,63
2173	H19.199	UBND xã Nam Cát Tiên	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
2174	H19.199	UBND xã Nam Cát Tiên	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
2175	H19.199	UBND xã Nam Cát Tiên	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
2176	H19.199	UBND xã Nam Cát Tiên	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,9
2177	H19.199	UBND xã Nam Cát Tiên	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,82
2178	H19.199	UBND xã Nam Cát Tiên	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
2179	H19.20	Ban Quản lý các Khu công n	Công khai, minh bạch	18	18
2180	H19.20	Ban Quản lý các Khu công n	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
2181	H19.20	Ban Quản lý các Khu công n	Tiến độ giải quyết	20	19,83
2182	H19.20	Ban Quản lý các Khu công n	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,83
2183	H19.20	Ban Quản lý các Khu công n	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
2184	H19.20	Ban Quản lý các Khu công n	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
2185	H19.20	Ban Quản lý các Khu công n	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
2186	H19.20	Ban Quản lý các Khu công n	Thanh toán trực tuyến	10	7,72
2187	H19.20	Ban Quản lý các Khu công n	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
2188	H19.20	Ban Quản lý các Khu công n	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
2189	H19.20	Ban Quản lý các Khu công n	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	3,72
2190	H19.20	Ban Quản lý các Khu công n	Mức độ hài lòng	18	18
2191	H19.20	Ban Quản lý các Khu công n	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
2192	H19.20	Ban Quản lý các Khu công n	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
2193	H19.20	Ban Quản lý các Khu công n	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
2194	H19.20	Ban Quản lý các Khu công n	Số hóa hồ sơ	22	18,1
2195	H19.20	Ban Quản lý các Khu công n	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	4,63

2196	H19.20	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	3,86
2197	H19.20	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
2198	H19.20	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	3,93
2199	H19.20	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,68
2200	H19.20	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
2201	H19.200	UBND xã Tân Phú	Công khai, minh bạch	18	18
2202	H19.200	UBND xã Tân Phú	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
2203	H19.200	UBND xã Tân Phú	Tiến độ giải quyết	20	16,94
2204	H19.200	UBND xã Tân Phú	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	16,94
2205	H19.200	UBND xã Tân Phú	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
2206	H19.200	UBND xã Tân Phú	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
2207	H19.200	UBND xã Tân Phú	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
2208	H19.200	UBND xã Tân Phú	Thanh toán trực tuyến	10	7,84
2209	H19.200	UBND xã Tân Phú	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
2210	H19.200	UBND xã Tân Phú	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
2211	H19.200	UBND xã Tân Phú	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	3,84
2212	H19.200	UBND xã Tân Phú	Mức độ hài lòng	18	17,65
2213	H19.200	UBND xã Tân Phú	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
2214	H19.200	UBND xã Tân Phú	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
2215	H19.200	UBND xã Tân Phú	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	5,65
2216	H19.200	UBND xã Tân Phú	Số hóa hồ sơ	22	20,75
2217	H19.200	UBND xã Tân Phú	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,47
2218	H19.200	UBND xã Tân Phú	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
2219	H19.200	UBND xã Tân Phú	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
2220	H19.200	UBND xã Tân Phú	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
2221	H19.200	UBND xã Tân Phú	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	3,58
2222	H19.200	UBND xã Tân Phú	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,7
2223	H19.200	UBND xã Tân Phú	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
2224	H19.201	UBND xã Phú Lâm	Công khai, minh bạch	18	18
2225	H19.201	UBND xã Phú Lâm	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
2226	H19.201	UBND xã Phú Lâm	Tiến độ giải quyết	20	19,34
2227	H19.201	UBND xã Phú Lâm	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,34
2228	H19.201	UBND xã Phú Lâm	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
2229	H19.201	UBND xã Phú Lâm	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
2230	H19.201	UBND xã Phú Lâm	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
2231	H19.201	UBND xã Phú Lâm	Thanh toán trực tuyến	10	10
2232	H19.201	UBND xã Phú Lâm	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
2233	H19.201	UBND xã Phú Lâm	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
2234	H19.201	UBND xã Phú Lâm	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
2235	H19.201	UBND xã Phú Lâm	Mức độ hài lòng	18	18
2236	H19.201	UBND xã Phú Lâm	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
2237	H19.201	UBND xã Phú Lâm	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
2238	H19.201	UBND xã Phú Lâm	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
2239	H19.201	UBND xã Phú Lâm	Số hóa hồ sơ	22	21,19
2240	H19.201	UBND xã Phú Lâm	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,5
2241	H19.201	UBND xã Phú Lâm	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
2242	H19.201	UBND xã Phú Lâm	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
2243	H19.201	UBND xã Phú Lâm	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
2244	H19.201	UBND xã Phú Lâm	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	3,78
2245	H19.201	UBND xã Phú Lâm	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,91
2246	H19.201	UBND xã Phú Lâm	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
2247	H19.202	UBND xã Đak Lua	Công khai, minh bạch	18	18
2248	H19.202	UBND xã Đak Lua	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
2249	H19.202	UBND xã Đak Lua	Tiến độ giải quyết	20	19,79
2250	H19.202	UBND xã Đak Lua	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,79
2251	H19.202	UBND xã Đak Lua	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
2252	H19.202	UBND xã Đak Lua	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
2253	H19.202	UBND xã Đak Lua	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
2254	H19.202	UBND xã Đak Lua	Thanh toán trực tuyến	10	10
2255	H19.202	UBND xã Đak Lua	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
2256	H19.202	UBND xã Đak Lua	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
2257	H19.202	UBND xã Đak Lua	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
2258	H19.202	UBND xã Đak Lua	Mức độ hài lòng	18	18
2259	H19.202	UBND xã Đak Lua	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
2260	H19.202	UBND xã Đak Lua	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
2261	H19.202	UBND xã Đak Lua	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
2262	H19.202	UBND xã Đak Lua	Số hóa hồ sơ	22	20,93
2263	H19.202	UBND xã Đak Lua	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,57
2264	H19.202	UBND xã Đak Lua	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
2265	H19.202	UBND xã Đak Lua	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
2266	H19.202	UBND xã Đak Lua	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2

2267	H19.202	UBND xã Đak Lua	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,48
2268	H19.202	UBND xã Đak Lua	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,88
2269	H19.202	UBND xã Đak Lua	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
2270	H19.203	UBND xã Phú Lý	Công khai, minh bạch	18	18
2271	H19.203	UBND xã Phú Lý	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
2272	H19.203	UBND xã Phú Lý	Tiến độ giải quyết	20	19,84
2273	H19.203	UBND xã Phú Lý	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,84
2274	H19.203	UBND xã Phú Lý	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
2275	H19.203	UBND xã Phú Lý	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
2276	H19.203	UBND xã Phú Lý	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
2277	H19.203	UBND xã Phú Lý	Thanh toán trực tuyến	10	10
2278	H19.203	UBND xã Phú Lý	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
2279	H19.203	UBND xã Phú Lý	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
2280	H19.203	UBND xã Phú Lý	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
2281	H19.203	UBND xã Phú Lý	Mức độ hài lòng	18	18
2282	H19.203	UBND xã Phú Lý	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
2283	H19.203	UBND xã Phú Lý	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
2284	H19.203	UBND xã Phú Lý	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
2285	H19.203	UBND xã Phú Lý	Số hóa hồ sơ	22	20,09
2286	H19.203	UBND xã Phú Lý	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,83
2287	H19.203	UBND xã Phú Lý	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
2288	H19.203	UBND xã Phú Lý	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
2289	H19.203	UBND xã Phú Lý	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
2290	H19.203	UBND xã Phú Lý	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,88
2291	H19.203	UBND xã Phú Lý	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,38
2292	H19.203	UBND xã Phú Lý	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
2293	H19.204	UBND xã Trị An	Công khai, minh bạch	18	18
2294	H19.204	UBND xã Trị An	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
2295	H19.204	UBND xã Trị An	Tiến độ giải quyết	20	19,36
2296	H19.204	UBND xã Trị An	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,36
2297	H19.204	UBND xã Trị An	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
2298	H19.204	UBND xã Trị An	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
2299	H19.204	UBND xã Trị An	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
2300	H19.204	UBND xã Trị An	Thanh toán trực tuyến	10	10
2301	H19.204	UBND xã Trị An	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
2302	H19.204	UBND xã Trị An	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
2303	H19.204	UBND xã Trị An	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
2304	H19.204	UBND xã Trị An	Mức độ hài lòng	18	18
2305	H19.204	UBND xã Trị An	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
2306	H19.204	UBND xã Trị An	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
2307	H19.204	UBND xã Trị An	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
2308	H19.204	UBND xã Trị An	Số hóa hồ sơ	22	20,51
2309	H19.204	UBND xã Trị An	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,91
2310	H19.204	UBND xã Trị An	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
2311	H19.204	UBND xã Trị An	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
2312	H19.204	UBND xã Trị An	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
2313	H19.204	UBND xã Trị An	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,99
2314	H19.204	UBND xã Trị An	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,61
2315	H19.204	UBND xã Trị An	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
2316	H19.205	UBND xã Tân An	Công khai, minh bạch	18	18
2317	H19.205	UBND xã Tân An	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
2318	H19.205	UBND xã Tân An	Tiến độ giải quyết	20	19,84
2319	H19.205	UBND xã Tân An	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,84
2320	H19.205	UBND xã Tân An	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
2321	H19.205	UBND xã Tân An	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
2322	H19.205	UBND xã Tân An	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
2323	H19.205	UBND xã Tân An	Thanh toán trực tuyến	10	10
2324	H19.205	UBND xã Tân An	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
2325	H19.205	UBND xã Tân An	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
2326	H19.205	UBND xã Tân An	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
2327	H19.205	UBND xã Tân An	Mức độ hài lòng	18	18
2328	H19.205	UBND xã Tân An	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
2329	H19.205	UBND xã Tân An	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
2330	H19.205	UBND xã Tân An	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
2331	H19.205	UBND xã Tân An	Số hóa hồ sơ	22	20,88
2332	H19.205	UBND xã Tân An	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,96
2333	H19.205	UBND xã Tân An	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
2334	H19.205	UBND xã Tân An	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
2335	H19.205	UBND xã Tân An	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
2336	H19.205	UBND xã Tân An	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,85
2337	H19.205	UBND xã Tân An	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,07

2338	H19.205	UBND xã Tân An	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
2339	H19.206	UBND phường Tân Triều	Công khai, minh bạch	18	18
2340	H19.206	UBND phường Tân Triều	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
2341	H19.206	UBND phường Tân Triều	Tiến độ giải quyết	20	19,59
2342	H19.206	UBND phường Tân Triều	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,59
2343	H19.206	UBND phường Tân Triều	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
2344	H19.206	UBND phường Tân Triều	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
2345	H19.206	UBND phường Tân Triều	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
2346	H19.206	UBND phường Tân Triều	Thanh toán trực tuyến	10	10
2347	H19.206	UBND phường Tân Triều	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
2348	H19.206	UBND phường Tân Triều	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
2349	H19.206	UBND phường Tân Triều	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
2350	H19.206	UBND phường Tân Triều	Mức độ hài lòng	18	18
2351	H19.206	UBND phường Tân Triều	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
2352	H19.206	UBND phường Tân Triều	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
2353	H19.206	UBND phường Tân Triều	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
2354	H19.206	UBND phường Tân Triều	Số hóa hồ sơ	22	21,38
2355	H19.206	UBND phường Tân Triều	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,82
2356	H19.206	UBND phường Tân Triều	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
2357	H19.206	UBND phường Tân Triều	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
2358	H19.206	UBND phường Tân Triều	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	2
2359	H19.206	UBND phường Tân Triều	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,96
2360	H19.206	UBND phường Tân Triều	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,6
2361	H19.206	UBND phường Tân Triều	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
2362	H19.207	Sở Ngoại vụ	Công khai, minh bạch	18	18
2363	H19.207	Sở Ngoại vụ	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
2364	H19.207	Sở Ngoại vụ	Tiến độ giải quyết	20	17,89
2365	H19.207	Sở Ngoại vụ	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	17,89
2366	H19.207	Sở Ngoại vụ	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
2367	H19.207	Sở Ngoại vụ	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
2368	H19.207	Sở Ngoại vụ	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
2369	H19.207	Sở Ngoại vụ	Thanh toán trực tuyến	10	10
2370	H19.207	Sở Ngoại vụ	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
2371	H19.207	Sở Ngoại vụ	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
2372	H19.207	Sở Ngoại vụ	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6
2373	H19.207	Sở Ngoại vụ	Mức độ hài lòng	18	17,96
2374	H19.207	Sở Ngoại vụ	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
2375	H19.207	Sở Ngoại vụ	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
2376	H19.207	Sở Ngoại vụ	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	5,96
2377	H19.207	Sở Ngoại vụ	Số hóa hồ sơ	22	19,33
2378	H19.207	Sở Ngoại vụ	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	6
2379	H19.207	Sở Ngoại vụ	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
2380	H19.207	Sở Ngoại vụ	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
2381	H19.207	Sở Ngoại vụ	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	4
2382	H19.207	Sở Ngoại vụ	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	1,33
2383	H19.207	Sở Ngoại vụ	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
2384	H19.3	Sở Nội vụ	Công khai, minh bạch	18	18
2385	H19.3	Sở Nội vụ	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
2386	H19.3	Sở Nội vụ	Tiến độ giải quyết	20	18,94
2387	H19.3	Sở Nội vụ	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	18,94
2388	H19.3	Sở Nội vụ	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
2389	H19.3	Sở Nội vụ	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
2390	H19.3	Sở Nội vụ	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
2391	H19.3	Sở Nội vụ	Thanh toán trực tuyến	10	7,44
2392	H19.3	Sở Nội vụ	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
2393	H19.3	Sở Nội vụ	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
2394	H19.3	Sở Nội vụ	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	3,44
2395	H19.3	Sở Nội vụ	Mức độ hài lòng	18	18
2396	H19.3	Sở Nội vụ	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
2397	H19.3	Sở Nội vụ	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
2398	H19.3	Sở Nội vụ	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
2399	H19.3	Sở Nội vụ	Số hóa hồ sơ	22	18,42
2400	H19.3	Sở Nội vụ	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,88
2401	H19.3	Sở Nội vụ	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
2402	H19.3	Sở Nội vụ	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
2403	H19.3	Sở Nội vụ	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ c	4	3,98
2404	H19.3	Sở Nội vụ	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,56
2405	H19.3	Sở Nội vụ	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
2406	H19.5	Sở Khoa học và Công nghệ và	Công khai, minh bạch	18	18
2407	H19.5	Sở Khoa học và Công nghệ và	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
2408	H19.5	Sở Khoa học và Công nghệ và	Tiến độ giải quyết	20	19,24

2409	H19.5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,24
2410	H19.5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
2411	H19.5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
2412	H19.5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
2413	H19.5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	Thanh toán trực tuyến	10	7,93
2414	H19.5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
2415	H19.5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
2416	H19.5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	3,93
2417	H19.5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	Mức độ hài lòng	18	18
2418	H19.5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
2419	H19.5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
2420	H19.5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
2421	H19.5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	Số hóa hồ sơ	22	18,36
2422	H19.5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,59
2423	H19.5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
2424	H19.5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
2425	H19.5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	3,99
2426	H19.5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,78
2427	H19.5	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
2428	H19.7	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	Công khai, minh bạch	18	18
2429	H19.7	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
2430	H19.7	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	Tiến độ giải quyết	20	19,36
2431	H19.7	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	19,36
2432	H19.7	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
2433	H19.7	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
2434	H19.7	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
2435	H19.7	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	Thanh toán trực tuyến	10	7,13
2436	H19.7	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
2437	H19.7	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
2438	H19.7	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	3,13
2439	H19.7	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	Mức độ hài lòng	18	18
2440	H19.7	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
2441	H19.7	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
2442	H19.7	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6
2443	H19.7	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	Số hóa hồ sơ	22	18,52
2444	H19.7	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,83
2445	H19.7	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
2446	H19.7	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
2447	H19.7	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	3,99
2448	H19.7	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,7
2449	H19.7	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2
2450	H19.9	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	Công khai, minh bạch	18	18
2451	H19.9	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	18
2452	H19.9	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	Tiến độ giải quyết	20	16,76
2453	H19.9	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	16,76
2454	H19.9	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	Dịch vụ công trực tuyến	12	10
2455	H19.9	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4
2456	H19.9	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	6	6
2457	H19.9	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	Thanh toán trực tuyến	10	7,82
2458	H19.9	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2
2459	H19.9	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán	2	2
2460	H19.9	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	3,82
2461	H19.9	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	Mức độ hài lòng	18	17,59
2462	H19.9	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6
2463	H19.9	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6
2464	H19.9	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	5,59
2465	H19.9	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	Số hóa hồ sơ	22	18
2466	H19.9	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	5,45
2467	H19.9	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	4
2468	H19.9	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	2
2469	H19.9	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức	4	3,96
2470	H19.9	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	0,59
2471	H19.9	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2